



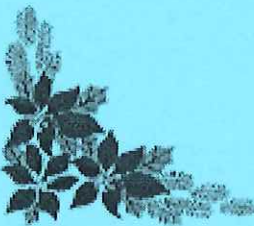
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG LỘC NINH 2



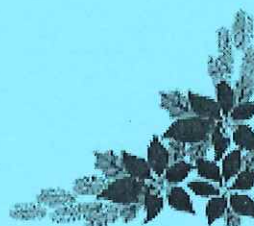
**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Cơ sở**

**“NHÀ MÁY ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
LỘC NINH 2, CÔNG SUẤT 200MWp”**

Địa chỉ thực hiện: xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.



BÌNH PHƯỚC, THÁNG 12 NĂM 2024





**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Cơ sở**

**“NHÀ MÁY ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
LỘC NINH 2, CÔNG SUẤT 200MWp”**

Địa chỉ thực hiện: xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
LỘC NINH 2



NGUYỄN DƯƠNG QUỐC THAI (MR.)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY
DỰNG MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG



GIÁM ĐỐC
Trần Công Việt

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	3
DANH MỤC HÌNH.....	4
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở:.....	5
2. Tên cơ sở.....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	14
5. Các thông tin khác liên quan đến nhà máy	19
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MỘT TRƯỜNG	20
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	20
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	21
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	22
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	22
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	27
3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	27
4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại.....	30
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	32
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	33
7. công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	37
8. biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:	38
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:.....	38
10. các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	39
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	40

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	40
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	41
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	41
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại.	42
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	45
1. Quan trắc nước thải.....	45
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	47
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện	47
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	47
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý	47
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	48
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	49
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	50
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ.....	51
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	53

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Khối lượng các hạng mục công trình của cơ sở	8
Bảng 1.2. Các thông số lắp đặt của nhà máy	11
Bảng 1.3. Đặc tính kỹ thuật Module PV 445Wp.....	12
Bảng 1.4. Thông số kỹ thuật Inverter 3125kW	13
Bảng 1.5. Khối lượng của một MBA.....	15
Bảng 1.6. Khối lượng thải từ việc sử dụng MBA của dự án	15
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng điện của nhà máy	16
Bảng 1.8. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của nhà máy	19
Bảng 3.1. Bảng kê khối lượng thoát nước mưa của nhà máy.....	22
Bảng 3.2. Bảng kê khối lượng thoát nước thải của nhà máy	25
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy	29
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án	41
Bảng 5. 1. Kết quả phân tích nước thải	45
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc bụi định kỳ năm 2023	45
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc CO ₂ , CO, NO ₂ , SO ₂ định kỳ năm 2023	46
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc bụi định kỳ năm 2024	46
Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc CO ₂ , CO, NO ₂ , SO ₂ định kỳ năm 2024	46
Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường	47
Bảng 6. 2. Kế hoạch quan trắc nước thải.....	47

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí nhà máy điện Lộc Ninh 2	6
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của nhà máy	9
Hình 1.3. Sơ đồ công nghệ vận hành của nhà máy.....	10
Hình 3.1. Tuyến thu gom nước mưa trong khuôn viên nhà máy.....	23
Hình 3.2. Rãnh thoát nước mưa của nhà máy	24
Hình 3.3. Hồ thu nước mưa	24
Hình 3.4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của nhà máy	25
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn.....	25
Hình 3.6. Sơ đồ thu gom và xử lý chất thải rắn tại nhà máy	27
Hình 3.7. Hình ảnh thùng chứa rác thải sinh hoạt	28
Hình 3.8. Hình ảnh kho chứa chất thải công nghiệp	30
Hình 3.9. Hình ảnh Nhà chứa chất thải nguy hại.....	31

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2.
- Địa chỉ văn phòng: Số 48 Lê Duẩn, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Dương Quốc Thái.
- Chức vụ: Giám đốc điều hành
- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 đã được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3801185615, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2018, thay đổi lần thứ 7 ngày 7 tháng 6 năm 2021.
- Chủ trương đầu tư: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2660/QĐ- UBND ngày 21 tháng 11 năm 2018 và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ nhất số 803/QĐ- UBND ngày 25 tháng 4 năm 2019.

2. Tên cơ sở

Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2, công suất 200MWp.

Địa điểm thực hiện: xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Nhà máy được xây dựng tại xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, với tổng diện tích khoảng 247,6ha (theo Hợp đồng thuê đất số 138/HĐTĐ, ngày 08/9/2020 giữa UBND tỉnh Bình Phước và Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2). Các mặt tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Phía Đông : Giáp đất rừng tràm bông vàng;
- Phía Tây : Giáp đất rừng tràm bông vàng và đường tuần tra biên giới;
- Phía Nam : Giáp đất rừng tràm bông vàng ;
- Phía Bắc : Giáp đất trống, đất rừng tràm bông vàng và Nhà máy điện Năng lượng mặt trời Lộc Ninh 1.

Tọa độ vị trí dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí giới hạn của nhà máy

Ký hiệu điểm	Tọa độ theo hệ VN 2000	
	X	Y
1	522094,000	1320386,000
2	521428,120	1319651,820
3	521389,246	1319343,609
4	521924,353	1319360,250
5	521841,066	1318852,364
6	521574,787	1318874,023
7	521590,089	1318651,859
8	521133,768	1318731,073
9	520869,318	1318580,422
10	521299,456	1317677,204
11	522278,512	1318147,556
12	522278,512	1319360,623
13	522983,532	1319360,623
14	523227,112	1319604,108

(Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2)

Vị trí nhà máy điện được mô tả trong hình dưới:



Hình 1.1. Vị trí nhà máy điện Lộc Ninh 2

Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của Cơ sở:

- + Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 09/05/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2, công suất 200MWp tại xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 làm chủ đầu tư.

Do đó, Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho **Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2, công suất 200MWp** theo mẫu báo cáo đề xuất tại phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, **thẩm quyền cấp giấy phép môi trường là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.**

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về luật đầu tư công): Với tổng vốn đầu tư: 3.973,650 tỷ đồng, xét Khoản 3, Điều 9 (Dự án công nghiệp điện có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên) luật Đầu tư công 2019, cơ sở thuộc tiêu chí phân loại nhóm A.

Tổng diện tích của Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 là 247,6 ha. Các hạng mục chính được phân loại như sau:

- Xây dựng hệ thống pin năng lượng mặt trời với tổng công suất đưa vào lưới điện khoảng 200MWp;
- Hệ thống bộ biến tần chuyển đổi DC/AC (Inverter);
- Hệ thống các TBA nâng 0.63/35kV;
- Hệ thống đường dây DC, AC đấu nối nội bộ trong nhà máy và đấu nối đến TBA 35/220kV;
- Hệ thống điều khiển, giám sát từ xa (SCADA), quan trắc thời tiết;
- Nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ, hệ thống đường giao thông nội bộ, tường rào, thông tin liên lạc, camera, chống sét, chiếu sáng, PCCC, và một số hệ thống phụ trợ khác,....

Các hạng mục công trình được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1.1. Khối lượng các hạng mục công trình của cơ sở

ST T	Hạng mục	Theo ĐTM đã được phê duyệt tại QĐ 925/QĐ-UBND ngày 09/05/2019					Thực tế				
		Rộng (m)	Dài (m)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Rộng (m)	Dài (m)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính										
1	Diện tích lắp khung PV				184,4 ha	75,97				1.710.000	69.1
2	Trạm Inverter và máy biến áp				2,60	1,048				26.000	1.1
3	Đường dây truyền tải và hành lang an toàn				-	-				150.000	6.1
II	Hạng mục công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường										
1	Đường giao thông nội bộ, hành lang				21,5 ha					120.000	4.8
2	Khu nhà điều hành				2,00 ha	0,81				20.000	0.8
	Nhà vận hành				307,8		-	-	-	-	
	Nhà nghỉ ca			1	437	0,018			1	437	
	Nhà kho (chứa dụng cụ+thiết bị)			1	96	0,004				840	
	Nhà bảo vệ			1	12,69	0,001				50	
	Kho chứa CTR thông thường			1	15	0,001	-	-	1	15	
	Kho chứa CTNH			1	15	0,001	-	-	1	15	
	Kho chứa tấm pin mặt trời thái			1	100	0,004	-	-	1	100	
	Diện tích bố trí cây xanh				4.000					4.000	
	Đất trống				7.416,51					15.483	
3	Hồ điều hòa	-	-	-	-	-	-	-	1	7.296	0.3
III	Đất dự phòng				24,5 ha					245.000	9.9
IV	Đất trống				9 ha	0,617				197.700	8
	Tổng cộng				244 ha					2.476.000	

Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

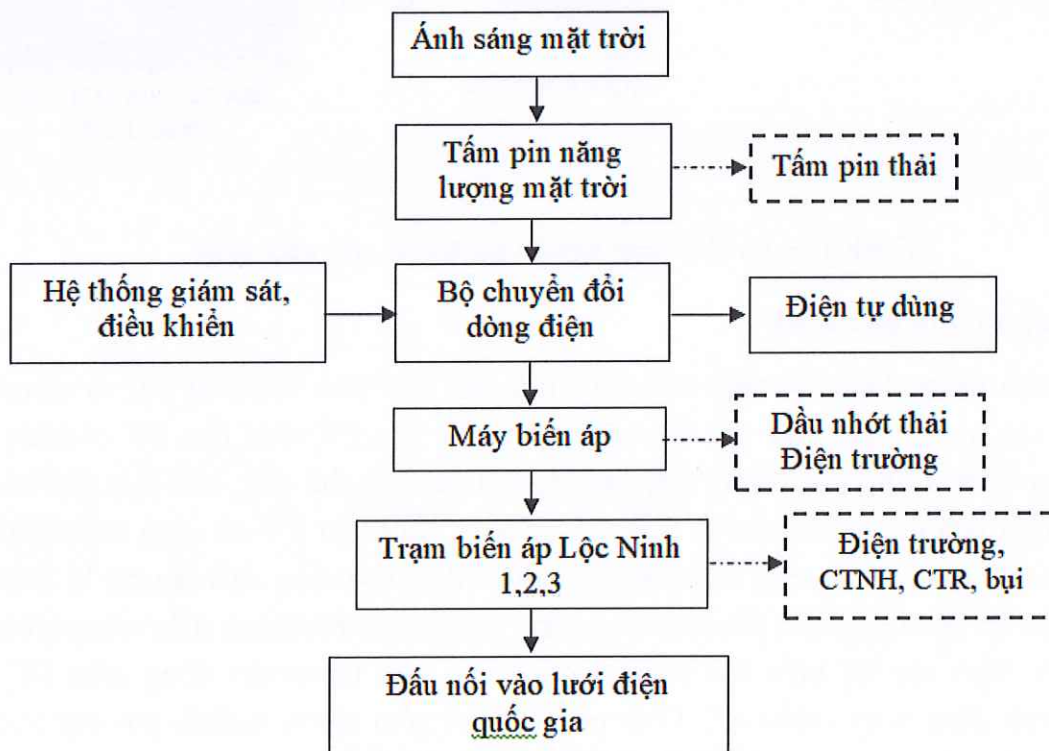
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 có công suất lắp đặt là 200MWp.

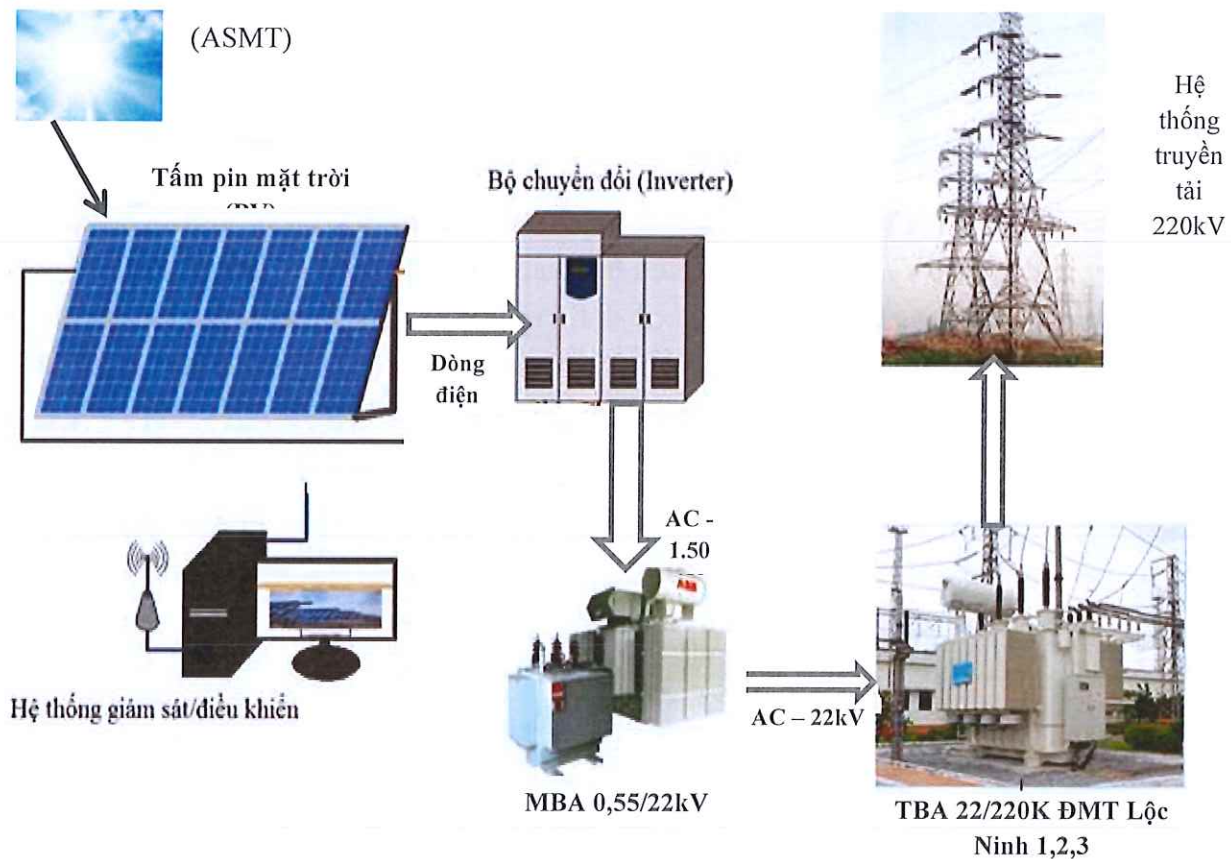
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Năng lượng mặt trời có thể chuyển thành điện năng bằng hai cách: một là sử dụng pin năng lượng mặt trời (PV), bằng các vật liệu bán dẫn có khả năng hấp thụ photon và phát ra electron (hiệu ứng quang điện); và hai là sử dụng những tua-bin nhiệt như những máy phát điện khác, nhiệt năng từ ánh sáng mặt trời sẽ làm nước bốc hơi, và từ đó làm quay tua-bin và tạo ra dòng điện. Đây cũng chính là cơ chế của các nhà máy điện sử dụng công nghệ nhiệt mặt trời hội tụ (nhiệt độ cao).

Nhà máy điện mặt trời sử dụng công nghệ quang điện SPV (Solar Photovoltaic hay PV) có hiệu suất chuyển đổi khá thấp, trong khoảng từ 15% ÷ 18% đối với các hệ thương mại. Tuy nhiên, hệ nguồn này có cấu trúc đơn giản, hoạt động tin cậy và lâu dài, công việc vận hành và bảo trì bảo dưỡng cũng đơn giản và chi phí rất thấp.



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của nhà máy



Hình 1.3. Sơ đồ công nghệ vận hành của nhà máy

➤ **Thuyết minh quy trình**

Các thành phần chính của nhà máy điện mặt trời như sau: Thiết bị thu và chuyển đổi NLMT là các module pin mặt trời hay còn gọi là các tấm PV. Các tấm PV có kích thước $2180\pm 2\text{mm}\times 996\pm 2\text{mm}\times 40\pm 1\text{mm}$, được cấu tạo từ các tinh thể silic, mỗi tấm pin bao gồm 156 cell (mỗi cell có kích thước từ 5 đến 6 inches). Mỗi tấm PV có công suất danh định 445Wp. Toàn nhà máy sử dụng 449.400 tấm pin để đảm bảo công suất lắp đặt là 200MWp. Các tấm pin có tác dụng biến đổi trực tiếp năng lượng mặt trời thành điện năng (dòng một chiều DC). Nhờ các bộ biến tần chuyển đổi trung tâm (Inverter) dòng điện DC được chuyển thành dòng xoay chiều AC. Giàn pin mặt trời gồm nhiều module pin mặt trời ghép nối lại, để đạt được công suất khoảng 200MWp. Hệ nguồn này có thể kết nối thành 1500VDC. Điện AC từ đầu ra của các inverter có cấp điện áp 0.63kV, và để giảm hao tổn trên dây dẫn, cấp điện áp này được nâng lên 35kV. Sau khi điện áp được nâng lên 35kV từ máy biến áp nâng áp (đi trong nội bộ nhà máy), sau đó được nâng lên 220kV để đấu nối vào lưới điện quốc gia.

Bảng 1.2. Các thông số lắp đặt của nhà máy

STT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng công suất
1	Tấm pin	Công nghệ đơn tinh thể, 156 cell - Kích thước tấm pin: 2180 x 996 x 40mm - Công suất danh định 445Wp	Tấm	449.400	200 MWp
2	Trạm Inverter				
2.1	Inverter trung tâm	Công suất 3125 kW	Bộ	60	
2.2	Máy biến áp nâng áp	0,63/35kV 6250 kVA	Máy	30	

Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2

Hệ thống pin mặt trời: Lắp đặt và kết nối 449.400 tấm pin mặt trời công nghệ đơn tinh thể (mono-crystalline), có công suất danh định 445Wp/tấm. Như vậy công suất danh định thực của nhà máy là 199,983 MWp $\approx$ 200MWp. Các tấm pin mặt trời được kết nối thành 16.050 dãy với mỗi dãy là 28 tấm pin được đấu nối tiếp với nhau; hai dãy pin (mỗi dãy gồm 28 tấm pin) được đặt trên cùng 01 giá đỡ.

$445\text{Wp/tấm} \times 28 \text{ tấm/dãy} \times 16.050 \text{ dãy} = 199.947.000 \text{ Wp} \approx 200 \text{ MWp}$.

Hệ thống bộ biến tần chuyển đổi (Inverter): gồm 60 bộ, công suất 3.125 kW/Inverter.

Hệ thống trạm máy biến áp: 30 trạm nâng áp 0,63/35kV – 6.250 kVA.

Hệ thống đường dây DC, AC đấu nối nội bộ trong nhà máy và đấu nối đến TBA 35/220kV ĐMT Lộc Ninh 1,2,3.

Hệ thống điều khiển, giám sát từ xa (SCADA), quan trắc thời tiết.

Xây dựng đường dây 35kV cấp điện thi công tự dùng cho nhà máy và đấu nối vào TBA 35/220kV ĐMT Lộc Ninh 1,2,3.

Sản lượng điện năng:

+ Tổng bức xạ theo phương ngang GHI: 5,17 kWh/m².ngày.

+ Sản lượng điện trung bình: **286.938** MWh/năm.

❖ **Tấm pin năng lượng mặt trời (Các module PV)**

Việc lựa chọn các tấm pin còn dựa trên cơ sở kết cấu mặt bằng lắp đặt, chủng loại công suất tấm pin đã được sử dụng nhiều, khi tổ hợp thành dãy phù hợp với các thông số bộ biến đổi đã lựa chọn theo công suất lắp đặt.

Bảng 1.3. Đặc tính kỹ thuật Module PV 445Wp

TT	Đặc tính kỹ thuật		
1	Công suất cực đại	P_{max}	445Wp
2	Điện áp hở mạch	V_{oc}	53,31V
3	Điện áp khi công suất cực đại	V_{mpp}	45,18V
4	Dòng ngắn mạch	I_{sc}	10,44A
5	Hiệu suất tấm pin ở điều kiện tiêu chuẩn	N_m	20,5%
6	Nhiệt độ vận hành	$T(^{\circ}C)$	-40 đến +85 $^{\circ}C$
7	Điện áp lớn nhất của hệ thống		1.000/1.500 VDC (IEC)
8	Số cell trên một tấm pin		156 (6x26)
9	Loại cell		Mono - Crystalline

Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2

❖ Hệ thống bộ biến đổi điện (Inverter)

Hệ thống pin mặt trời biến đổi năng lượng mặt trời thành điện một chiều, vì vậy cần phải có các bộ biến đổi điện một chiều từ pin mặt trời thành điện xoay chiều. Hệ thống biến đổi điện (Inverter) có nhiệm vụ chuyển đổi dòng điện từ dòng điện một chiều sang dòng điện xoay chiều. Điện từ dàn pin mặt trời được tổ hợp vào các hộp đấu nối, điện một chiều (DC) từ đầu ra của các hộp đấu nối đi qua Inverter biến đổi thành điện xoay chiều (AC). Giàn PMT gồm nhiều module PMT ghép nối lại, để đạt được công suất khoảng 200MWp. Hệ nguồn này có thể kết nối thành 1.500VDC. Điện AC đầu ra của các inverter có cấp điện áp 0.63kV, và để giảm tổn hao trên dây dẫn, cấp điện áp này được nâng lên 35kV (đi trong nội bộ nhà máy), sau đó được nâng lên 220kV để đấu nối vào lưới điện quốc gia. Vì vậy dự án đã lắp đặt 30 trạm biến áp hợp bộ 0,63/35kV – Tổng công suất mỗi trạm là 6.125 kVA.

Theo thực tế, tổng diện tích sử dụng đất cho hạng mục này của dự án là 2,60ha, diện tích trung bình của một trạm biến áp hợp bộ là $2,60ha \div 30 \text{ trạm} = 0,0867ha = 867m^2$. Các trạm biến áp được chia thành 07 lộ cáp ngầm và đường dây trên không 35kV. Mỗi lộ sẽ liên kết 04 đến 05 trạm biến áp hợp bộ 0,63/35kV dẫn đến trạm nâng áp 35/220kV.

Kết nối giữa các trạm nâng áp với nhau bằng cáp ngầm và đường dây trên không 35kV, cụ thể:

+ Trạm nâng áp đến trụ điện đường dây 35kV: Cáp ngầm AL/XLPE/CTS/PVC/SSTA/PVC 26/35kV - 3x(1Cx95mm²);

+ Giữa các trụ điện đường dây 35kV: Cáp nhôm trần lõi thép AL-ACSR, 35kV-3x(1x70mm²) hoặc 3x(1x185mm²) hoặc 3x(1x300mm²);

+ Trụ điện đường dây 35kV đến tủ đóng cắt trung thế của ngăn lộ 35kV: Cáp ngầm AL/XLPE/CTS/PVC/SSTA/PVC 26/35kV - 3x(1Cx400mm²) hoặc 3x(1Cx500mm²).

Sử dụng TBA loại hợp bộ kiosk thiết kế theo tiêu chuẩn IEC gồm 03 ngăn: Ngăn trung thế, ngăn máy biến áp và ngăn inverter. Trạm được lắp đặt ngoài trời.

Inverter với các thông số kỹ thuật như sau:

Bảng 1.4. Thông số kỹ thuật Inverter 3125kW

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Thông số đề xuất tại ĐTM	Thông số lắp đặt thực tế tại cơ sở
I	Đầu vào DC			
1	Điện áp làm việc	V	800-1.300	900-1.300
2	Điện áp đầu vào lớn nhất	V	1.500	1.500
3	Dòng điện làm việc lớn nhất	A	2.624	3.294
II	Đầu ra AC			
1	Công suất tối đa	kW	2.500	3.125
2	Dải điện áp làm việc	V	550±10%	630±10%
4	Tần số	Hz	50	50
5	Số phase	Phase	3	3
6	Hiệu suất tối đa	%	≥98,72	≥99,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2)

Vỏ trạm: Sơn tĩnh điện màu xám nhạt; đảm bảo chống thấm nước, cấp bảo vệ đạt IP65 theo tiêu chuẩn IEC 60529. Vỏ trạm bao gồm: Chân đế, thân trạm và mái.

Thân trạm: Liên kết với đế trạm bằng bulong bảo đảm chắn chắn và tạo thành khung cứng, tự đứng. Vách ngăn được làm bằng thép tấm 1,5mm.

Ngăn máy biến áp nâng áp: Được trang bị hồ thu dầu. Công suất máy biến áp 6.250kVA. Tần số định mức 50Hz. Điện áp định mức phía cao thế đến 35kV; điện áp định mức phía hạ thế 630V.

Ngăn trung thế: Điện áp định mức đến 35kV. Là hộp kín cách điện bằng khí SF06. Được làm bằng thép không gỉ. Gồm 02 khối chức năng nhỏ:

- + Ngăn trung thế: Chứa các bộ phận mang điện trung thế, dao cắt, dao nối đất.
- + Ngăn động cơ truyền động.

Ngăn hạ thế: Điện áp định mức 630V. Tủ hạ thế bao gồm: Aptomat, Amper kế, Volt kế,...

Móng trạm kiosk: Đặt trên nền trạm bằng bê tông đúc tại chỗ. Bố trí móng đỡ container 40fit bằng bê tông cốt thép B20. Kích thước đáy móng biên: 1,4×3,64m; móng giữa: 1,8×3,64m. Chiều sâu chôn móng 1,0m. Thực tế, khối lượng đào đất ở mỗi móng trạm inverter là 33m³, khối lượng đất đắp tại mỗi móng trạm inverter là 22,56m³.

❖ Hệ thống điện tự dùng

Xây dựng trạm biến áp hạ áp cấp điện tự dùng trong nhà máy. Các thiết bị bố trí cho TBA hạ áp của dự án gồm:

+ 01 MBA 03 phase 35/0,4kV công suất 315kVA.

+ 01 máy cắt 03 phase tự động 800VA.

+ 01 MBA 03 phase 35/0,4kV công suất 250kVA.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm đầu ra của Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2, công suất 200MWp là các nguồn sản xuất điện có cấp điện áp 35kV được dẫn truyền về Trạm biến áp 220kV Lộc Ninh 1,2,3 để nâng lên điện áp 220kV thông qua MBA 35/220kV và hòa vào lưới điện quốc gia, đáp ứng cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng cụ thể như sau:

Công suất (MWp)	Số lượng Pv (Cái)	Sản lượng điện hằng năm (MWh/năm)
200	449.400	286,938

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu và hóa chất

Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 sử dụng năng lượng bức xạ mặt trời để tạo ra điện năng dựa trên hiệu ứng quang điện. Về cơ bản, dự án không sử dụng nguồn nguyên, nhiên liệu nào khác. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, bảo dưỡng bảo trì sẽ tiến hành thay thế các tấm pin hư hỏng. Tỷ lệ tấm pin hao hụt, hư hỏng cần thay thế rất ít, chiếm khoảng 0,08%/năm, tương đương khoảng 359 tấm pin/năm. Các tấm pin hư hỏng này sẽ được Chủ dự án thu gom và lưu trữ tại kho chứa tấm pin hỏng của dự án với diện tích 100m². Kho chứa tấm pin được xây tường gạch, vữa bê tông, nền đổ bê tông, mái che bằng tôn. Khi số lượng lớn, Chủ dự án sẽ giao lại cho nhà cung cấp để thu gom và xử lý. Vấn đề xử lý tấm pin hư hỏng này sẽ được Chủ dự án thể hiện trong Hợp đồng mua bán thiết bị giữa nhà cung cấp với Chủ dự án.

Dầu cách điện cho các máy biến áp tại các TBA nâng áp 0,63/35kV. Dự án sử dụng 30 trạm biến áp hợp bộ, máy biến áp tại mỗi trạm là máy biến áp tự ngẫu 0,63/35kV-3.125kVA. Lượng dầu sử dụng cho toàn bộ dự án là 141,754 tấn (lượng dầu sử dụng cho 01 máy biến áp 0,63/35kV của trạm nâng áp là 2,8 tấn dầu/máy; lượng dầu sử dụng cho 01 máy biến áp 03 phase 35/0,4kV công suất 315kVA là 0,52 tấn dầu/máy; lượng dầu sử dụng cho 01 máy biến áp 03 phase 35/0,4kV công suất 250kVA là 0,334 tấn dầu/máy; lượng dầu sử dụng cho 01 máy biến áp 03 phase 35/220kV công suất 250.000kVA là 56,9 tấn

dầu/máy). Dầu MBA là dầu Nynas, Kunlun hoặc tương đương, không chứa các chất phụ gia, không chứa PCBs. Lượng dầu này được cung cấp kèm theo từng MBA.

Thông thường, định kỳ hằng năm sẽ tiến hành kiểm tra dầu trong các MBA. Công tác lọc dầu có thể được thực hiện khi chất lượng dầu có sự thay đổi (thông qua các thí nghiệm) 02 đến 03 năm hoặc 10 năm tùy theo tình hình thực tế.

Lượng cặn phát sinh khoảng 0,01% - 0,05% khối lượng dầu sử dụng. Với khối lượng dầu cách điện sử dụng cho tất cả các MBA của dự án là 141,754 tấn, tổng lượng cặn thải phát sinh tối đa khoảng 14,18 – 70,88kg/lần lọc dầu.

Mỗi MBA trong trạm hợp bộ kiosk phục vụ cho hoạt động của dự án có tuổi thọ trung bình 20 - 25 năm. Định kỳ sau 20 - 25 năm hoặc khi có sự cố hư hại, MBA sẽ được thay thế. Tổng khối lượng của một MBA theo thiết kế như sau:

Bảng 1.5. Khối lượng của một MBA

Loại MBA	Khối lượng tổng (Tấn)			
	Ruột	Dầu	Vỏ	Tổng
MBA 35/220kV – 250.000 kVA	147,4	56,9	68,7	273
MBA 0,63/35kV – 6.250 kVA	6,510	2,8	3,24	12,55
MBA 35/0,4kV - 315kVA	0,77	0,52	0,71	2
MBA 35/0,4kV - 250kVA	0,74	0,334	0,58	1,654

Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2

Với số lượng MBA sử dụng cho toàn dự án là 33 MBA, khối lượng thải trong một chu kỳ vận hành (20 -25 năm) của dự án ước tính khoảng: 653,154 tấn; trong đó khối lượng dầu thải là 141,754 tấn; khối lượng vỏ và ruột MBA là 511,4 tấn.

Toàn bộ khối lượng phát sinh này sẽ được giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

Bảng 1.6. Khối lượng thải từ việc sử dụng MBA của dự án

Loại MBA	Số lượng	Lượng dầu sử dụng (Tấn)	Lượng cặn dầu thải (kg/lần lọc)	Vỏ và ruột MBA thải (Tấn/chu kỳ)	Lượng dầu MBA thải (Tấn/chu kỳ)
MBA 35/220kV – 250.000 kVA	1	56,9	5,69-28,45	261,1	56,9
MBA 0,63/35kV – 6250 kVA	30	84	8,4-42	292,5	84
MBA 35/0,4kV - 315kVA	1	0,52	0,052-0,26	1,48	0,52
MBA 35/0,4kV - 250kVA	1	0,334	0,0334-0,167	1,32	0,334

Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2

- Nhu cầu nguyên, nhiên liệu khác phục vụ vệ sinh máy móc, thiết bị:
- + Xăng, dầu phục vụ hoạt động của máy nén khí, xe cẩu,...phục vụ vệ sinh các thiết bị,...khoảng 40 lít/01 lần bảo dưỡng.
- + Giẻ lau để vệ sinh các thiết bị có dính dầu, mỡ,... khi bảo dưỡng khoảng 60kg/năm.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 hiện nay đang dùng điện cho sinh hoạt từ hệ thống điện nội bộ của nhà máy, nhu cầu sử dụng như sau:

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng điện của nhà máy

TT	Tháng	Lượng điện tiêu thụ (kWh/Ngày)	
		Tháng	Ngày
1	Tháng 01	165.990,84	5.354,54
2	Tháng 02	105.559,76	3.769,99
3	Tháng 03	72.146,44	2.327,30
4	Tháng 04	105.846,54	3.528,22
5	Tháng 05	109.902,79	3.545,25
6	Tháng 06	105.845,82	3.528,19
7	Tháng 07	113.380,39	3.657,43
8	Tháng 08	93.930,34	3.030,01
9	Tháng 09	105.549,73	3.518,32
10	Tháng 10	103.236,97	3.330,22
11	Tháng 11	105.555,37	3.518,51
12	Tháng 12	98.261,97	3.169,74

(Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2)

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- **Nguồn cung cấp:** Hiện nay, Công ty sử dụng nước từ nguồn nước ngầm tại giếng khoan.
- + Mục đích khai thác: Cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất (rửa tấm pin).
- + Số lượng giếng khai thác: 01 giếng (Theo Giấy phép khai thác nước số 98/GP-UBND, ngày 23/11/2020).
- + Tổng lưu lượng khai thác: 30m³/ngày.đêm.

- **Mục đích sử dụng nước:**

Nước sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, định mức 100 lít/người. ngày. Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của nhà máy:

$$Q_{sh} = 40 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người ngày} = 4.000 \text{ lít/ngày} = 4 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước sử dụng cho bếp ăn: Theo quy định thì định mức 25 lít/suất ăn. Tổng nhu cầu sử dụng nước cho bếp ăn:

$$Q_{sh} = 40 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người ngày} = 1.000 \text{ lít/ngày} = 1 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước dùng cho hoạt động vệ sinh tấm pin:

Để tiết kiệm chi phí vận hành, nhà máy vệ sinh tấm pin định kỳ 3 lần/năm. Biện pháp rửa tấm pin là sử dụng robot để làm sạch bề mặt tấm pin, tiết kiệm nước.

Quá trình rửa pin của dự án được tiến hành bằng các robot rửa pin được điều khiển từ xa. Nước rửa pin được lấy từ nguồn nước ngầm của dự án qua hệ thống lọc rồi bơm vào bồn chứa nước có thể tích 324 m³ sau đó thông qua các van lấy nước được bố trí dọc theo các dãy pin mặt trời của dự án. Các van lấy nước được bố trí với mật độ là 100m/van lấy nước. Mỗi robot sẽ được trang bị ống cấp nước có đường kính ống 15-20mm được nối van lấy nước đến robot, đồng thời robot có trang bị bàn chải, chổi quét để tăng diện tích tiếp xúc và hiệu quả vệ sinh tấm pin. Các robot này có khả năng di chuyển trên các tấm pin trong phạm vi 100m, thời gian vệ sinh mỗi tấm pin là 8s, mỗi giờ robot vệ sinh được 450 tấm pin. (mỗi ngày làm việc 08 giờ). Vậy số lượng tấm pin mà mỗi robot vệ sinh được mỗi ngày là: 450x8=3.600 tấm pin.

Quy mô nhà máy bao gồm 449.400 tấm pin mặt trời; số ngày rửa/lần rửa 30 ngày, số lượng tấm pin vệ sinh trong mỗi ngày là 14.980 tấm. Với số lượng tấm pin cần vệ sinh mỗi ngày là 14.980 tấm thì Dự án cần số lượng robot như sau:

$$14.980 \text{ tấm/ngày} \div (3.600 \text{ tấm/robot}) \approx 4 \text{ robot}$$

Quy mô nhà máy bao gồm 449.400 tấm pin mặt trời; số ngày rửa/lần rửa 30 ngày, số lượng tấm pin vệ sinh trong mỗi ngày là 14.980 tấm. Lượng nước vệ sinh cho 1 tấm pin là 1 lít/tấm. Tổng lưu lượng nước vệ sinh tấm pin dùng trong 1 chu kỳ:

$$Q_{Tvs} = 1 \times 14.980 = 14,98 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước tưới cây:

Đối với nước tưới cây, lấy trong hồ chứa nước mưa của nhà máy.

Nước chữa cháy:

Nhà máy còn dự trữ nước cho PCCC tại cơ sở với thể tích bể chứa nước PCCC được xây dựng là 324 m³.

Nhu cầu sử dụng nước của nhà máy được tổng hợp như sau:

Bảng 1.8. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của nhà máy

STT	Mô tả	Theo ĐTM đã được phê duyệt			Thực tế		
		Định mức sử dụng	Khối lượng sử dụng (m ³ /ngày)	Lượng nước thải (m ³ /ngày)	Định mức sử dụng	Khối lượng sử dụng (m ³ /ngày)	Lượng nước thải (m ³ /ngày)
I	Nhu cầu sử dụng nước thường xuyên						
1	Nước cấp sinh hoạt cho công nhân	45 lít/người	1,8	1,8 (100% nước cấp)	100 lít/người	4	4 (100% nước cấp)
2	Nước sử dụng cho bếp ăn	25 lít/suất ăn	1	1 (100% nước cấp)	25 lít/suất ăn	1	1 (100% nước cấp)
II	Nhu cầu sử dụng nước không thường xuyên						
1	Nước rửa tấm pin (14.980 tấm)	01 lít nước/01 tấm pin/1 lần rửa	36,528	36,528 (100% nước cấp)	01 lít nước/01 tấm pin/1 lần rửa	14,98	14,98 (100% nước cấp)
	TỔNG CỘNG		39,328	39,328		19,98	19,98

(Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2)

Bên cạnh đó nhà máy còn dự trữ nước cho PCCC với thể tích bể chứa nước PCCC được xây dựng là 324 m³.

Nước chữa cháy đối với nhà vận hành được bố trí tại hòng chữa cháy vách tường. Nước chữa cháy cho phần ngoài trời được bố trí bằng hệ thống giàn phun.

Đối với hệ thống 30 trạm biến áp trạm hợp bộ, Chủ dự án sẽ bố trí hệ thống báo cháy để sớm phát hiện nguy cơ cháy và giảm khả năng cháy. Trường hợp có sự cố xảy ra, hệ thống chữa cháy tự động sẽ tác động cùng với tiến hành dập tắt bằng các bình chữa cháy bằng CO₂ và bình bột ABC.

5. Các thông tin khác liên quan đến nhà máy

Không có.

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MỘT TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

1.1. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 08/7/2024 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường, phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy thoái và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Do đó, dự án đầu tư là phù hợp với chiến lược BVMT quốc gia.

Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

1.2. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng.

Theo quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 như sau:

- Mục tiêu lập quy hoạch:
 - + Là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến.
- Quan điểm quy hoạch:
 - + Việc lập Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ phải bảo đảm phù hợp, thông nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030.

- + Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân.

1.3. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh

Theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2050.

Do đó, việc thực hiện Dự án Nhà máy điện năng lượng mặt trời là hoàn toàn phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển của tỉnh Bình Phước.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường là không thay đổi.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của nhà máy đã được xây dựng hoàn thiện tách riêng với hệ thống thoát nước thải, bao gồm:

Nước mưa tại khu vực các công trình nhà điều hành: được thu gom bằng các rãnh thoát nước có kích thước 0,4 x 0,4m và 0,5 x 0,5m dọc theo vai đường phía trên có bố trí các hố ga có lưới chắn rác. Tại các vị trí giao cắt với đường giao thông bố trí cống thoát nước ngang. Cống qua đường gồm 0,5 x 0,5m; 1x1m; 1,2x1,2m; 1,5 x 1,5m và 2 x 2m, kết cấu BTCT B22,5, sau đó dẫn về hố thu nước đầu cống bê tông B 12,5, 1 phần được thu gom về hồ điều hòa có dung tích 7.296 m³ được bố trí trong khuôn viên khu đất của Nhà máy điện năng lượng mặt trời.

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực tấm pin mặt trời: được thu gom bằng rãnh thoát nước có kích thước 0,5 x 0,5m; 1x1,2m; 1,2x1,5m; 2 x 2 (m) và các rãnh có kết cấu bằng bê tông cốt thép với độ dốc 0,4 đến 2,1%. (rãnh thoát nước chạy dọc các tuyến đường chính và đường nội bộ).

Nước mưa thu gom theo các rãnh một phần sẽ tự thấm vào lớp cây bụi, cỏ phía dưới tấm pin mặt trời, phần còn lại sẽ tiêu thoát theo các mương nội đồng trong khu vực xung quanh.

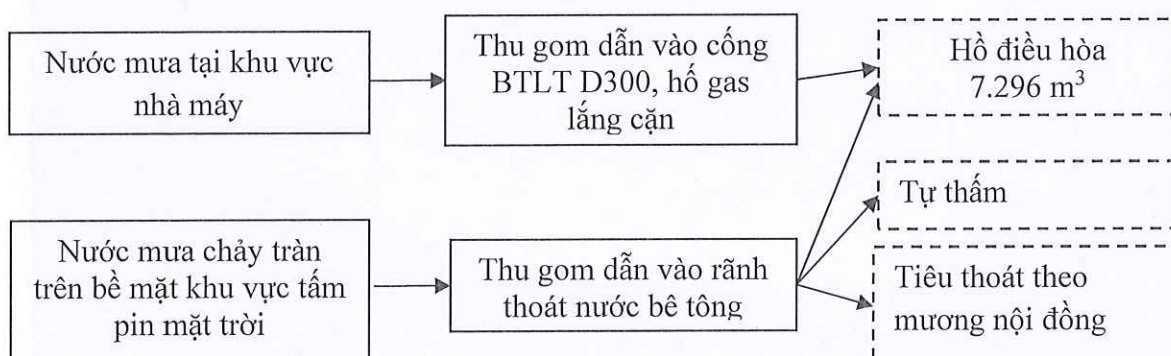
Các hạng mục thoát nước mưa của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.1. Bảng kê khối lượng thoát nước mưa của nhà máy

Stt	Tên vật tư thiết bị	Quy cách	Đơn vị	Số lượng
1	Hố ga loại A	1200x1400	Hố	12
2	Hố ga loại A	1200x1400	Hố	07
3	Hố ga loại C	1200x2200	Hố	01
4	Cống thoát nước D300	BTCT ly tâm HL-93	Mét	344
5	Gối đỡ cống D300	BTCT	Cái	491
6	Ống thoát nước mương cáp	uPVC D140	Mét	68
7	Cút uPVC 90	uPVC D140	Cái	04
8	Rãnh thoát nước R1	700x300	Mét	87
9	Rãnh thoát nước R2	700x300	Mét	37
10	Rãnh thoát nước R3	1000x700	Mét	57
11	Rãnh thoát nước R3a	700x300	Mét	26

Stt	Tên vật tư thiết bị	Quy cách	Đơn vị	Số lượng
12	Rãnh thoát nước R4	700x300	Mét	75
13	Rãnh thoát nước R5	1100x800	Mét	91
14	Rãnh thoát nước R6	1100x800	Mét	38
15	Rãnh thoát nước R7	700x300	Mét	36
16	Rãnh thoát nước R8	1400x800	Mét	18
17	Rãnh thoát nước R9	1600x1000	Mét	107
18	Rãnh thoát nước R10	800x500	Mét	42
19	Rãnh thoát nước R11	700x300	Mét	17
20	Rãnh thoát nước R12	800x500	Mét	63
21	Rãnh thoát nước R13	700x300	Mét	95
22	Rãnh thoát nước R14	700x300	Mét	90
23	Rãnh thoát nước R15	700x300	Mét	130
24	Rãnh thoát nước R16	700x300	Mét	100
25	Rãnh thoát nước R17	700x300	Mét	43
26	Rãnh thoát nước R18	700x300	Mét	64
27	Rãnh thoát nước R19	800x500	Mét	30
28	Rãnh thoát nước R20	1200x500	Mét	16

Sơ đồ minh họa tuyến thu gom nước mưa:



Hình 3.1. Tuyến thu gom nước mưa trong khuôn viên nhà máy



Hình 3.2. Rãnh thoát nước mưa của nhà máy



Hình 3.3. Hồ thu nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh tại nhà máy với tổng lưu lượng 19,98 m³/ngày đêm bao gồm các nguồn nước thải được liệt kê sau đây:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở. Bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh, tắm giặt khu vực nhà nghỉ và nhà bếp làm việc với lưu

lượng 5m³/ngày.đêm. Nước thải được thu gom dẫn về bể tự hoại 5 ngăn bằng đường ống nhựa PVC Ø42 đến Ø114, sau đó tự thấm.

– Nguồn số 02: Nước thải rửa tấm pin phát sinh từ hoạt động vệ sinh các tấm pin mặt trời trong khuôn viên nhà máy với lưu lượng 14,98 m³/ngày.đêm. Thành phần nước thải rửa pin chủ yếu là cặn lơ lửng. Lượng nước này một phần sẽ bay hơi và một phần rơi xuống lớp cây bụi, cỏ phía dưới tấm pin mặt trời.

Danh mục các công trình thu gom nước thải được tổng hợp trong bảng sau:

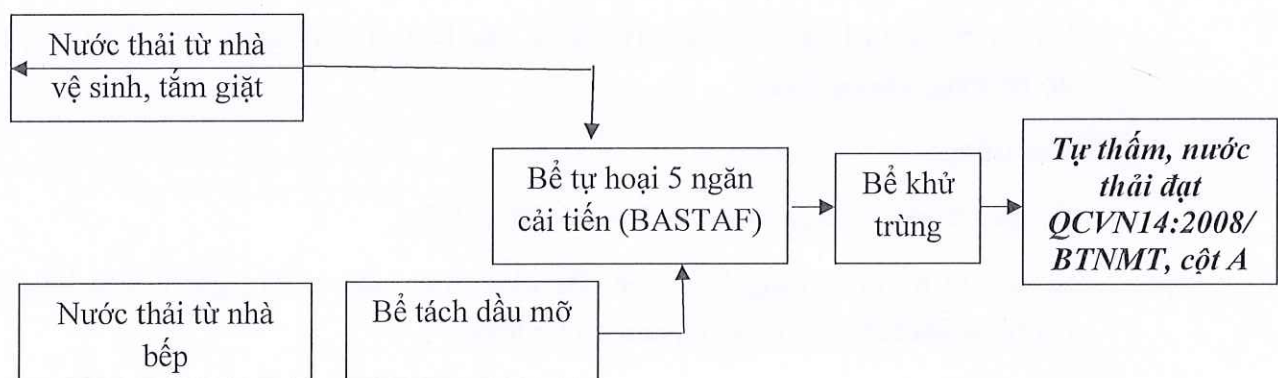
Bảng 3.2. Bảng kê khối lượng thoát nước thải của nhà máy

Stt	Tên vật tư thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Ống nhựa PVC Ø60	Mét	15,0

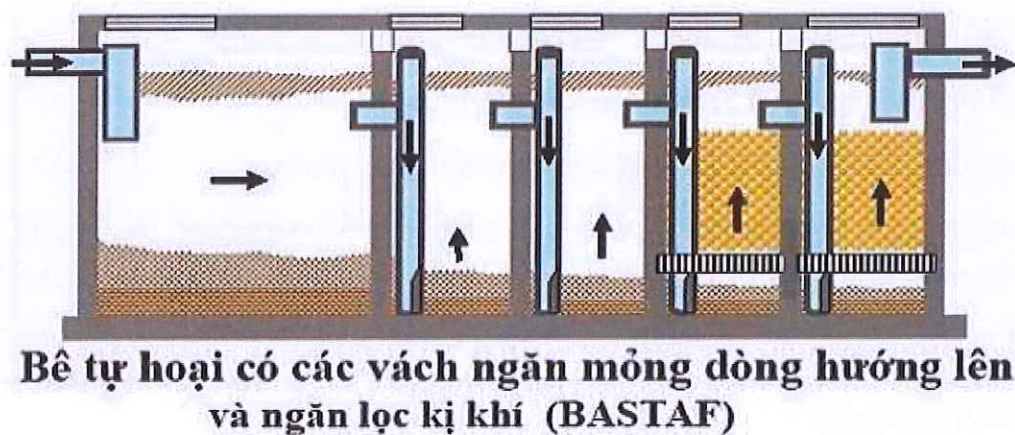
1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Nước thải sinh hoạt

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn và bể khử trùng trước khi cho tự thấm.



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của nhà máy



Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại: Bể tự hoại có hình dạng chữ nhật, với thời gian lưu nước $3 \div 4$ ngày, $90\% \div 92\%$, các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể. Qua thời gian 3 – 9 tháng cặn sẽ bị phân hủy kỵ khí trong ngăn lắng. Sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Trong ngăn lọc có chứa vật liệu lọc là đá 4x6 phía dưới, giá trên là đá 1x2. Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ 2 của ống này là thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt.

Nước thải sau khi được xử lý qua bể tự hoại sẽ tiếp tục cho qua bể khử trùng để tiêu diệt các vi khuẩn và mầm bệnh, đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi cho tự thấm.

Bùn từ bể tự hoại sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý.

Nhà máy đã xây dựng hoàn thành:

- Bể tự hoại:
 - + Bể tự hoại có kích thước: $3,5\text{m} \times 3\text{m} \times 2,2\text{m}$.
 - + Số lượng bể tự hoại là 01 bể. Bể được xây bằng tường gạch, vữa bê tông, nền đổ bê tông, chống thấm.
- Bể khử trùng:
 - + Bể khử trùng có kích thước: $1,9\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1,2\text{m}$
 - + Số lượng bể khử trùng là 01 bể. Bể khử trùng xây tường gạch, vữa bê tông, chống thấm bằng composite, nền đổ bê tông.
- Bể tách dầu mỡ:
 - + Bể tách dầu mỡ có kích thước: 700 lít.
 - + Số lượng: 01 bể, bể được làm bằng inox, nền đổ bê tông.

1.3.2. Nước thải từ quá trình vệ sinh tấm pin mặt trời

Nước sử dụng trong quá trình hoạt động của nhà máy như sau:

Nước rửa vệ sinh tấm pin năng lượng mặt trời: Nhà máy tiến hành rửa pin 03 lần/năm. Quy mô dự án bao gồm 449.400 tấm pin mặt trời, thực hiện vệ sinh theo chu kỳ là 30 ngày/1 lần rửa, số lượng tấm pin thực hiện vệ sinh trong một ngày là 14.980 tấm. Lượng nước vệ sinh cho 1 tấm pin là 1 lít/tấm. Tổng lưu lượng nước vệ sinh tấm pin dùng trong 1 chu kỳ là $14,98 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Quá trình rửa pin không sử dụng bất cứ loại hóa chất nào. Nước rửa tấm pin chủ yếu là cặn lơ lửng do bụi bẩn bám dính, không chứa thành phần nguy hại nên hiện tại toàn bộ

lượng nước pin này một phần sẽ bay hơi và một phần sẽ rơi xuống dải cây xanh dưới các tấm pin.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

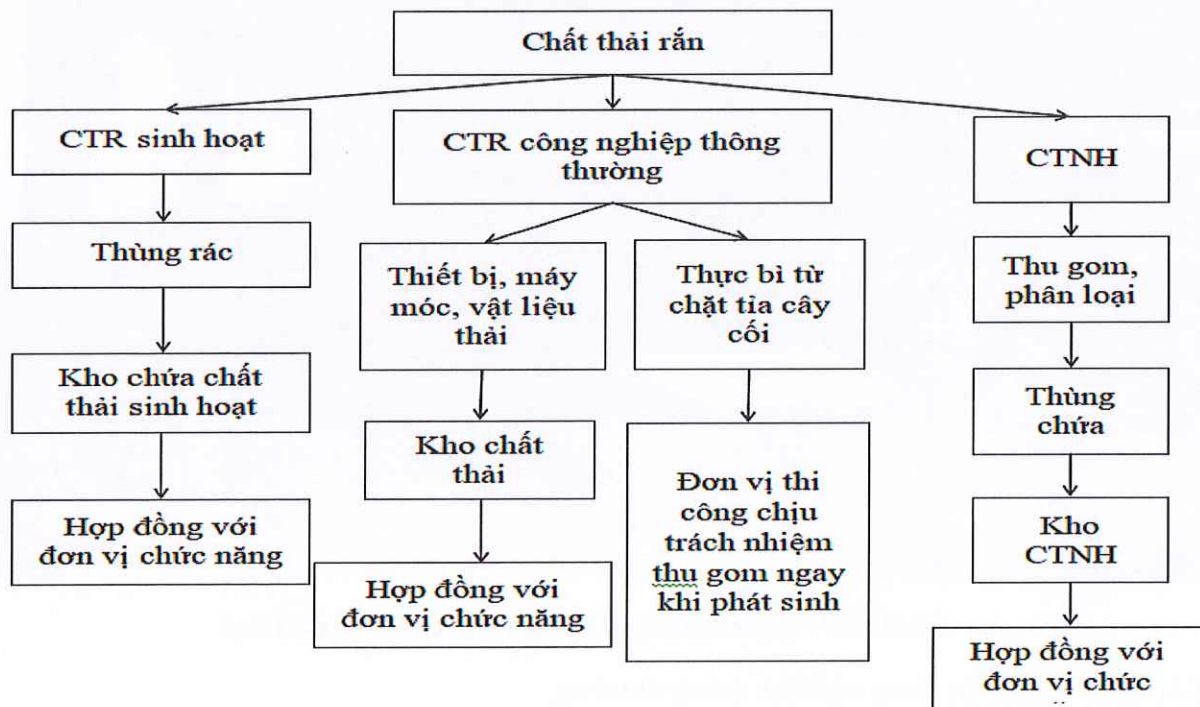
Đặc điểm nhà máy trong quá trình hoạt động sản xuất không gây phát sinh bụi, khí thải. Do đó, nhà máy không có các công trình xử lý bụi, khí thải phát sinh. Nguồn ô nhiễm bụi, khí thải chính trong cơ sở đến từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khuôn viên nhà máy. Để kiểm soát và giảm thiểu nguồn tác động này, nhà máy đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động sau:

Các tuyến đường nội bộ được đầu tư hoàn thiện để hạn chế bụi và thuận tiện đi lại trong quá trình vận hành nhà máy;

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ 06 tháng/lần;
- Yêu cầu các phương tiện tham gia giao thông khi lưu thông trong cơ sở phải tuân thủ các quy định về tốc độ và tải trọng hàng hóa của phương tiện;
- Trồng cây xanh lấy bóng mát trên khuôn viên nhà máy. Không trồng cây xanh tại khu vực lắp đặt các tấm PV vì sẽ làm giảm hiệu quả hấp thụ bức xạ, ảnh hưởng đến sản lượng điện của nhà máy.

3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Việc thu gom, phân loại và xử lý các loại chất thải phát sinh tại nhà máy sẽ được thực hiện theo sơ đồ sau:



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom và xử lý chất thải rắn tại nhà máy

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Lượng CTR sinh hoạt phát sinh tối đa là 0,8 kg rác thải/người.ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD, áp dụng đối với đô thị loại V). Như vậy, tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là 36 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp...

Lượng chất thải rắn phát sinh sẽ được thu gom vào các thùng nhựa có nắp đậy 40 lít được bố trí khu vực nhà điều hành, nhà vệ sinh. Sau đó được thu gom lưu chứa trong thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít đặt tại nhà chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 15m². Nhà kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, mái lợp tole.

Hiện tại nhà máy đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt tại Nhà máy điện mặt trời với Đội quản lý công trình đô thị huyện Lộc Ninh thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định, tần suất thu gom 2 lần/tháng.

Nhóm các thành phần tái chế như nhựa, giấy văn phòng,.. bán cho đơn vị thu mua phế liệu.



Hình 3.7. Hình ảnh thùng chứa rác thải sinh hoạt

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh ước tính theo bảng sau:

Bảng 3.3. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Máy móc, thiết bị, dụng cụ hư hỏng trong quá trình hoạt động: đồng hồ điện, sứ cách điện, đầu nối, găng tay, ủng cách điện,...	200

Ngoài ra trong quá trình hoạt động còn phát sinh một lượng thực bì từ quá trình chặt tỉa cây cối phát triển trong hành lang an toàn tuyến điện và xung quanh nhà máy. Khối lượng phát sinh sẽ tùy thuộc vào từng thời điểm phát triển của thực vật và tần suất cắt tỉa.

Để giảm thiểu và kiểm soát lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy, đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động sau:

- Sử dụng các thiết bị đầu nối phù hợp, tính toán khối lượng dây dẫn, sứ cách điện phù hợp, tránh gây lãng phí;
- Ưu tiên phân loại rác tại nguồn, tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu lượng CTR phát sinh;
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của cơ sở được phân loại và tập kết về kho CTR có diện tích 15 m². Kho chứa có cấu tạo tường bao xung quanh bằng tôn, nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; cao độ nền cao hơn cao độ mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa;
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở được tiến hành thu gom và phân loại như sau:

+ Máy móc, thiết bị và dụng cụ hư hỏng trong quá trình hoạt động, như đồng hồ điện, cáp điện, sứ cách điện, đầu nối, tụ điện (không chứa PCB), găng tay, ủng cách điện,... khối lượng phát sinh phụ thuộc vào quy trình vận hành nhà máy điện và công năng của từng loại định kỳ bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua tái chế và hợp đồng với Đội quản lý công trình đô thị huyện Lộc Ninh thu gom, vận chuyển xử lý.

+ Thực bì trong quá trình chặt tỉa cây cối xung quanh nhà máy và hành lang an toàn tuyến dây đầu nối sẽ do đơn vị dọn dẹp thực bì chịu trách nhiệm thu gom.



Hình 3.8. Hình ảnh kho chứa chất thải công nghiệp

4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng Chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.4. Tổng hợp khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy

STT	Tên chất thải	Mã số CTNH	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh		
				ĐTM đã được phê duyệt	Thực tế	Sau khi được cấp GPMT
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg/năm	50	0	10
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Kg/năm	60	98,9	150
3	Thùng chứa dầu nhớt thải	18 01 02	Kg/năm	125	9,8	50
4	Tấm pin mặt trời hỏng	19 02 08	Kg/năm	12.292	2265.9	3.000
5	Cặn dầu MBA thải	17 03 03	Kg/năm	3,01	81,1	150
6	Dầu MBA thải	17 03 05	kg/năm	6.025	0	100
7	MBA thải	19 02 06	kg/năm	17.215	0	0
8	Hộp đựng mực in thải	08 02 04	Kg/năm	15	0	15
9	Ắc quy thải, ắc quy hư hỏng	19 06 05	Kg/năm	175	307.4	400
	TỔNG CỘNG			35.030,29	2.763,1	3.875,0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2, 2024)

Để giảm thiểu và kiểm soát các tác động do CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động của nhà máy gây ra, nhà máy đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động sau:

- Phân loại, thu gom, lưu trữ và quản lý CTNH theo đúng Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được phân loại tại nguồn ngay tại nơi phát sinh, chứa trong thùng dành riêng cho CTNH, không để chung CTNH với chất rắn thông thường. CTNH được dán nhãn ký hiệu mã CTNH theo đúng quy định.
- Dầu cách điện các máy biến áp 0,55/22kV: Khi dầu hết hạn sử dụng hoặc xảy ra sự cố sẽ được rút ra và chứa trong bể chứa dầu sự cố có thể tích 5,5 m³. Bể làm bằng BTCT đặt ngầm dưới nền trạm, xung quanh bể đỡ MBA có xây gờ bao xung quanh bằng bê tông để ngăn dầu tràn ra xung quanh.
- Toàn bộ CTNH phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và tập kết về kho chứa CTNH của cơ sở có diện tích 15 m². Thiết kế, cấu tạo kho: Tường bao xung quanh bằng gạch; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; cao độ nền cao hơn cao độ mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chuyên dụng phân loại lưu chứa chất thải, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.
- Nhà máy đã ký hợp đồng dịch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương để thu gom và vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định.



Hình 3.9. Hình ảnh Nhà chứa chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ máy phát điện và phương tiện giao thông

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở, chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động sau:

- Quy định tốc độ xe lưu thông trong khuôn viên cơ sở là 20 km/h;
- Thực hiện bảo dưỡng, bảo trì máy móc định kỳ để đảm bảo chế độ làm việc tốt nhất cho máy móc, tra dầu mỡ tại các khớp, ổ trục phát sinh tiếng ồn cao;
- Các phương tiện vận tải phục vụ hoạt động của nhà máy đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm khi lưu thông;
- Lựa chọn và sử dụng máy biến áp có mức ồn dưới 70 dBA (cách 3 m);
- Kiểm tra, bảo dưỡng máy biến áp định kỳ bảo đảm máy biến áp hoạt động bình thường.

5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động điện từ trường

Để giảm thiểu tác động của điện từ trường phát sinh trong quá trình hoạt động, nhà máy đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động sau:

- Công tác thiết kế, xây dựng và lắp đặt máy biến áp và đường dây đầu nối tuân thủ các quy chuẩn và quy phạm hiện hành, đặc biệt là Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;
- Trang bị dụng cụ bảo hộ cho những công nhân làm việc tại khu vực có cường độ điện từ trường cao;
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động để phát hiện kịp thời bệnh nghề nghiệp để phòng ngừa và chữa trị kịp thời;
- Thực hiện chế độ hỗ trợ độc hại cho người lao động;
- Thực hiện nối đất cho các kết cấu kim loại trong hành lang tiếp địa để phòng tránh điện cảm ứng theo quy định tại Thông tư 05/2021/TT-BCT ngày 02/08/2021 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung an toàn về điện;
- Lắp đặt biển báo an toàn tại các trụ điện để người dân biết được khoảng cách an toàn khi làm việc gần các trụ điện và đường dây điện;
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy biến áp và hành lang an toàn đường dây, thay thế khi cần thiết;
- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị đã qua kiểm tra, đảm bảo tình trạng hoạt động tốt.

5.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do phát quang hành lang an toàn đường dây đầu nối

Để giảm thiểu tác động do phát quang hành lang an toàn đường dây đầu nối, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra các thông số, điều kiện về khoảng cách, vật liệu sử dụng,... đối với các công trình dưới đường dây và hành lang đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện và nghị định sửa đổi số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/04/2020.
- Kiểm tra, chặt tỉa chiều cao thảm thực vật dưới hành lang an toàn điện đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định;
- Thực bì sau khi phát quang nhanh chóng đưa ra khỏi hành lang an toàn điện, tập trung dọc tuyến đầu nối.
- Lựa chọn thời điểm thi công ít ảnh hưởng nhất đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân xung quanh cơ sở;
- Kiểm tra biển báo khoảng cách an toàn tại vị trí đường dây đầu nối bằng qua đường giao thông để đảm bảo an toàn cho các phương tiện giao thông;
- Kiểm tra các công trình nhà ở trong hành lang an toàn của tuyến đường dây;
- Định kỳ kiểm tra và xử phạt khi phát hiện các đối tượng vi phạm quy định về hành lang tuyến đường dây;
- Vận hành cơ sở đúng kỹ thuật an toàn, tuân thủ các quy định về an toàn kỹ thuật điện và quy định về PCCC.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Công tác Phòng cháy chữa cháy và ứng cứu sự cố

Công tác PCCC của nhà máy được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về phòng cháy. Tổng hợp các biện pháp về PCCC của cơ sở đã thực hiện tại nhà máy như sau:

- Lập phương án PCCC cho cơ sở. Có các quy trình an toàn về PCCC trong vận hành quản lý vật tư có nguy cơ cháy nổ. Cơ sở đã được phòng CS PCCC & CHCN cấp nghiệm thu hệ thống PCCC tại văn bản số 157/CAT-PC07 ngày 28/05/2019;
- Lắp đặt các bảng nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy theo quy định;
- Trang thiết bị PCCC cho nhà máy theo đúng quy định, thực hiện kiểm tra về tình trạng và hiệu quả hoạt động của các trang thiết bị phòng cháy định kỳ 1 tháng/lần;
- Trang bị hệ thống báo cháy tự động cho tất cả các hạng mục;

- Lắp đặt hệ thống chống sét bao phủ toàn bộ các hạng mục;
- Cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển,... đồng thời tiếp đất cho tất cả máy móc thiết bị. Máy móc phục vụ vận hành có lý lịch kèm theo, được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật;
- Máy móc thiết bị được bảo dưỡng định kỳ 1 năm/lần, bảo trì định kỳ theo thời gian quy định của nhà sản xuất và theo quy định của ngành điện;
- Đường nội bộ của nhà máy đảm bảo cho phương tiện cứu hỏa có thể ra vào dễ dàng với chiều rộng mặt đường tối thiểu là 6 m;
- Khu vực văn phòng làm việc lắp đặt nhiều cửa ra vào, đảm bảo an toàn thoát hiểm cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra;
- Có quy định về trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong công tác PCCC;
- Các bản nội quy, quy trình được niêm yết công khai ở những nơi thuận tiện để mọi người biết và thực hiện;
- Tổ chức quán triệt và phổ biến các quy định về an toàn PCCC tới từng cán bộ công nhân viên có ký cam kết của từng người;
- Các thiết bị điện có nguy cơ cháy nổ phải được bố trí ở khu vực đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về an toàn, phòng tránh cháy nổ;
- Phối hợp với cảnh sát PCCC địa phương tổ chức các đợt diễn tập PCCC cho công nhân định kỳ 1 năm/lần;
- Thành lập đội PCCC tại chỗ để ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố cháy nổ.

Trong trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ trong khuôn viên cơ sở chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp ứng phó sau:

- Báo động toàn bộ khu vực, cử người gọi điện thoại cơ quan PCCC số 114.
- Ngắt điện bên trong khu vực bị cháy, gọi điện thoại báo chính quyền địa phương như công an, quân đội đến để phối hợp chữa cháy.
- Tổ chức chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy tại chỗ đã được trang bị để dập lửa và chống cháy lan ra xung quanh và cùng phối hợp với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.

6.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ, rò rỉ dầu từ MBA

Biện pháp phòng ngừa cháy nổ, rò rỉ dầu từ MBA

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng MBA định kỳ, theo dõi dấu hiệu rò rỉ dầu từ máy biến áp trong mỗi ca trực;
- Khi phát hiện rò rỉ dầu, lập tức cô lập hiện trường (nếu cần) và dùng giấy thấm dầu

hoặc giẻ lau thu gom triệt để lượng dầu rò rỉ trên bề mặt;

- Kiểm tra kỹ thuật MBA, trong trường hợp cần thiết tiến hành khắc phục sự cố;
- Giấy thấm dầu và giẻ lau dính dầu được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn theo quy định;
- Xây dựng bể thu gom dầu sự cố khi dầu từ MBA tràn ra ngoài.

Quy trình thu gom và xử lý dầu khi xảy ra sự cố

- Trên thùng máy biến áp có van tự xả áp lực, khi sự cố cháy nổ xảy ra, van xả áp bung ra và dầu cách điện dẫn nổ tràn ra bên ngoài. Trên thực tế, khi xảy ra sự cố chỉ một lượng dầu nhất định tràn ra bên ngoài, hầu như không có trường hợp toàn bộ lượng dầu trong MBA tràn ra bên ngoài;
- Để thoát dầu từ máy biến áp khi có sự cố, trong trạm được xây dựng bể chứa dầu sự cố. Bể làm bằng BTCT đặt ngầm dưới nền trạm, xung quanh bộ đỡ MBA có xây gờ bao xung quanh bằng bê tông để ngăn dầu tràn ra xung quanh.

Biện pháp ứng cứu sự cố rò rỉ, tràn dầu MBA

- Cô lập khu vực tràn dầu;
- Thông báo cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý lượng dầu và nước chứa cháy trong bể chứa dầu;
- Dùng các vật liệu như cát, giấy thấm dầu, giẻ lau, ... để thu gom triệt để lượng dầu còn lại trong bể chứa dầu;
- Giấy thấm dầu và giẻ lau dính dầu được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

6.3. Biện pháp an toàn lao động

Để phòng ngừa và ứng phó các sự cố có thể xảy ra do tai nạn lao động trong quá trình vận hành, nhà máy đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động sau:

- Cán bộ công nhân viên phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được việc quản lý vận hành nhà máy;
- Lắp đặt biển báo nguy hiểm tại khu vực cần thiết;
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống các tấm pin và tuyến đường dây tải điện;
- Khi xảy ra sự cố các thiết bị bảo vệ sẽ tự động ngắt mạch để bảo vệ người bị điện giật.
- Thực hiện nối đất ở từng vị trí móng cột theo đúng quy định;
- Tuyến đường dây đấu nối tại các vị trí trụ cũng thực hiện biện pháp nối đất;
- Hệ thống nối đất được bố trí và tính toán đảm bảo an toàn cho người và thiết bị ở mọi chế độ làm việc;

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu cho môi trường làm việc và điều kiện vệ sinh lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ y tế ban hành. Thực hiện đo đạc giám sát môi trường lao động định kỳ 1 năm/lần, các thông số đo đạc cụ thể gồm nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, tiếng ồn và bụi;
- Phân bổ thời gian làm việc hợp lý cho công nhân.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như: mũ bảo hộ, khẩu trang, găng tay, ủng cao su,... Đồng thời sẽ kiểm tra ý thức chấp hành kỷ luật về an toàn lao động bằng nhiều hình thức vừa kiểm tra nội bộ vừa thông qua các cơ quan chức năng;
- Thiết bị, phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn cho công nhân khi xảy ra sự cố; máy móc thiết bị phải có hồ sơ kèm theo và được kiểm định, có nội quy vận hành hướng dẫn sử dụng an toàn gắn tại vị trí hoạt động. Cử cán bộ chuyên môn giám sát việc thực hiện nội quy vận hành máy an toàn;
- Tuân thủ thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/08/2021 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm;
- Công nhân được phân nhiệm vụ là những công nhân đã qua đào tạo và được huấn luyện vận hành;
- Trang bị và phổ biến đầy đủ các thông tin, kiến thức về vệ sinh và an toàn lao động cho công nhân. Tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân định kỳ: 1 năm/lần;
- Lập hồ sơ quản lý lao động cho công nhân vận hành;
- Bố trí 01 cán bộ vệ sinh theo chế độ bán chuyên trách;

Biện pháp ngăn ngừa sự cố nghiêng đổ cột điện và cột đỡ tấm pin:

- Lắp đặt đúng theo điều kiện thực tế của địa phương và đảm bảo quy phạm về kỹ thuật;
- Đơn vị vận hành kiểm tra định kỳ phần móng cột nhằm phát hiện sớm các hiện tượng xói lở, trượt lở, lún nứt,... kịp thời;
- Trong quá trình vận hành để giảm thiểu các tác động do xói mòn, sụt lún, trượt lở đất vị trí xung quanh móng cột gây ảnh hưởng xấu đến sự ổn định của cột điện và các trụ đỡ pin năng lượng. Công ty tiến hành thực hiện các công việc sau:
 - + Kiểm tra định kỳ sự ổn định của móng cột;
 - + Kiểm tra kè, hệ thống thoát nước, hệ thống chống xói trôi đất quanh vị trí móng cột để có biện pháp xử lý kịp thời;

- + Kiểm tra phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hoạt động xâm phạm đến sự an toàn móng cột của người dân;
- + Trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện phục vụ công tác quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên. Việc bảo trì, bảo dưỡng được thực hiện bởi nhân viên kỹ thuật lành nghề (có kiến thức về nhà máy và đã được đào tạo bởi nhà sản xuất);
- + Công tác bảo trì phải được thực hiện đúng và phải có biên bản. Tất cả các phụ kiện, thiết bị máy móc liên quan đến việc truyền động hoặc truyền dẫn điện cũng như tình trạng hoạt động phải được các chuyên gia kiểm tra mỗi 2 hoặc 4 năm 1 lần;
- + Thường xuyên gia cố móng cột tại trạm biến áp cũng như tại cột bố trí pin năng lượng mặt trời;
- + Trồng cỏ trên bề mặt hoàn thiện tại chân các tấm pin;
- + Khắc phục sửa chữa nhanh khi có sự cố xảy ra.

Biện pháp ngăn ngừa sự cố sét đánh:

- Trang bị thiết bị bảo vệ chống sét đánh trực tiếp vào nhà máy và thiết bị ngoài trời ở trạm biến áp;
- Các trang bị chống sét lan truyền theo đường dây;
- Chống sét đánh trực tiếp vào nhà máy sử dụng hệ thống kim và lưới thu sét bằng thép tròn, mạ kẽm được đặt trên mái, được nối thành mạch vòng theo chu vi của mái và cứ 20m có 1 dây dẫn sét xuống nối với hệ thống tiếp địa của nhà máy;
- Chống sét đánh trực tiếp vào thiết bị phân phối ngoài trời của trạm biến áp sử dụng các kim thu sét đặt trên các cột cao nhất của trạm. Các kim thu sét này cũng được nối vào hệ thống nối đất chung của nhà máy;
- Kiểm tra hiệu quả hoạt động của kim thu sét và hệ thống nối đất định kỳ.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

7.1. Biện pháp quản lý khai thác nước ngầm

- Thiết lập các vùng phòng hộ vệ sinh của vùng khai thác: Đối với phòng hộ vệ sinh xung quanh giếng khoan: Trong bán kính 20m kể từ miệng từng giếng sẽ được bảo vệ nghiêm ngặt, tuyệt đối không thực hiện các hoạt động phát sinh ra nguồn gây ô nhiễm. Miệng giếng được đổ nền bê tông, xây bệ giếng khoan.

- Thực hiện việc vệ sinh thu gom rác nước thải trong quá trình xây dựng trại chăn nuôi để tránh gây ô nhiễm để tránh thấm xuống nước đất, làm suy giảm chất lượng nước ngầm.

- Kiểm soát xin phép khai thác nước ngầm đúng theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của chính phủ và Giấy phép khai thác nước số 98/GP-UBND, ngày 23/11/2020, giám sát chặt chẽ chất lượng nước thải, chất thải trước khi thải ra đất, nguồn nước không làm ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm khu vực.

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:

Không có

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không có

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đối với công trình thu gom và xử lý nước thải

Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt được liệt kê theo bảng sau:

Bảng 3.5. Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	ĐTM đã được phê duyệt	Thực tế	Ghi chú
1	- Nước thải từ quá trình vệ sinh tấm pin mặt trời → Thu gom dẫn về hồ điều hòa dung tích 25.200m³.	- Nước thải từ quá trình vệ sinh tấm pin mặt trời → Bay hơi và một phần sẽ rơi xuống dải cây xanh dưới các tấm pin.	- Quá trình rửa pin không sử dụng bất cứ loại hóa chất nào. Nước rửa tấm pin chủ yếu là cặn lơ lửng do bụi bẩn bám dính, không chứa thành phần nguy hại, thêm vào đó, diện tích khu vực cánh đồng pin khá rộng lớn, khó khăn trong công tác thu gom nên chủ cơ sở đề xuất phương án một phần bay hơi và một phần sẽ rơi xuống dải cây xanh dưới các tấm pin.
2	- Hồ điều hòa dung tích 25.200m³. - Hồ dùng chứa nước mưa và nước thải rửa pin.	- Hồ điều hòa dung tích 7.296m³. - Hồ dùng chứa nước mưa.	- Do, phần lớn nước mưa được thoát theo địa hình tự nhiên và lượng mưa trung bình tại khu vực không lớn. Mặt khác, nước rửa tấm pin một phần bay hơi và một phần sẽ rơi xuống dải cây xanh dưới các tấm pin. - Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh có ý kiến tại văn bản số 345/STNMT-CCBVMT, ngày 05/2/2024.

➤ Đánh giá tác động môi trường từ việc thay đổi các công trình so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Những thay đổi thực tế của cơ sở so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường không làm gia tăng tác động xấu đến môi trường. Những thay đổi này nhằm tối ưu hiệu quả bảo vệ môi trường và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động tại nhà máy.

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải.

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại khu văn phòng phát sinh khoảng $5\text{m}^3/\text{ngày}$, được thu gom xử lý qua bể tự hoại và bể khử trùng. Sau đó tự thấm

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ rửa vệ sinh tấm pin năng lượng mặt trời khoảng $14,98\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Lượng nước này một phần sẽ bay hơi và một phần sẽ rơi xuống dải cây xanh dưới các tấm pin.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

1.2.1. Dòng nước thải

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc trong khu văn phòng được thu gom theo hệ thống đường ống PVC Ø60 chảy vào các bể tự hoại 5 ngăn, nước thải sau bể tự hoại sẽ được dẫn về bể khử trùng trước khi cho tự thấm.

1.2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 5 ngăn, nước thải sau bể tự hoại sẽ được dẫn về bể khử trùng trước khi cho tự thấm.

1.2.3. Vị trí xả nước thải: Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 tại xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Tọa độ vị trí xả nước thải (sau bể khử trùng trước khi tự thấm): $X = 523117$; $Y = 1319619$ (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

1.2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau bể tự hoại 5 ngăn sẽ được dẫn về bể khử trùng trước khi cho tự thấm

- Chế độ xả nước thải:

Nước thải sau bể tự hoại 5 ngăn sẽ được dẫn về bể khử trùng trước khi cho tự thấm: xả thải liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT cột A– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	50
3	BOD ₅	mg/L	30
4	Amoni	mg/L	5
5	Nitrat	mg/L	30
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10
7	Phosphate	mg/L	6
8	Coliform	MPN/100ml	3.000

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tại khu vực nhà nghỉ

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
1	Khu vực nhà nghỉ	1321543	523439

3.3. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa hoặc thay mới các máy móc, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại.

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với tổng khối lượng 36 kg/ngày, tương đương 13,14 tấn/năm.

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Cao su thải (găng tay, ủng cách điện,...)	TT-R	12 08 06	10
2	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH (Sắt, tôn,..)	TT-R	12 08 06	150
	Tổng cộng			200

4.1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	10
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	KS	150
3	Thùng chứa dầu nhớt thải	Rắn	18 01 02	KS	50
4	Tấm pin mặt trời hỏng	Rắn	19 02 08	KS	3.000
5	Cặn dầu MBA thải	Rắn	17 03 03	NH	150
6	Dầu MBA thải	Lỏng	17 03 05	NH	100
7	MBA thải	Rắn	19 02 06	NH	0
8	Hộp đựng mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	15
9	Ắc quy thải, ắc quy hư hỏng	Rắn	19 06 05	NH	400
	Tổng cộng				3.875,0

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng và bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà vệ sinh,...

- Bố trí 2 thùng đựng rác bằng nhựa dung tích 10 lít có nắp đậy tại khu vực nhà vệ sinh;
- Bố trí 03 thùng đựng rác bằng nhựa dung tích 20 lít có nắp đậy tại khu vực bếp và nhà nghỉ.

Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom.

b. Khu vực lưu chứa

Chất thải sinh hoạt được thu gom và lưu chứa trong các thùng chứa, bao bì đặt xung quanh khu vực xưởng, nhà văn phòng, nhà vệ sinh, cuối ngày được chuyển ra cổng ra vào để thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

a. Thiết bị lưu chứa

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng,... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh.

b. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 15m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách bao quanh, cách biệt với khu lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, biển cảnh báo,....

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

a. Thiết bị lưu chứa

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát. Nhà máy bố trí 4 thùng chứa dung tích 240L bằng nhựa HDPE, có dán nhãn.

b. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 15m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có kết cấu tường bao, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rôn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định,...

4.2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, nhà máy đã thực hiện quan trắc môi trường tại cơ sở. Kết quả quan trắc môi trường năm 2022 và năm 2024 của nhà máy được trình bày chi tiết sau đây:

1. Quan trắc nước thải năm 2024.

- Tên đơn vị quan trắc: Công ty TNHH KH CN và PT MT Phương Nam.
- Địa chỉ: 1358/21/5G Đường Quang Trung, phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Bảng 5. 1. Kết quả phân tích nước thải

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A
1	pH	-	7,42	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	23	50
3	TSS	mg/L	45	30
4	N-NH ₄ ⁺	mg/L	2,6	5
5	N-NO ₃ ⁻	mg/L	11,2	30
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (LOD=1,0)	10
7	P-PO ₄ ³⁻	mg/L	1,7	6
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	1,1 x 10 ³	3.000

(Nguồn: Theo kết quả phân tích ngày 28/11/2024 do Công ty TNHH KH CN và PT MT Phương Nam lấy mẫu và phân tích)

2. Quan trắc môi trường không khí.

a. Quan trắc môi trường không khí năm 2023.

- Tên đơn vị quan trắc: Công ty CP Safety Care Environment
- Địa chỉ: 120 Vũ Tông Phan, khu phố 5, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, Tp.HCM

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc bụi định kỳ năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Khu vực quan trắc					QCVN 02:2019/ BYT
			Phòng inverter	Phòng kho	Phòng 22KV/ 35kV	Phòng điều khiển trung tâm	MBA 110KV/ 220KV	
1	Bụi toàn phần	mg/m ³	1,1	0,82	0,042	0,04	0,1	≤ 8

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2023)

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc CO₂, CO, NO₂, SO₂ định kỳ năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Khu vực quan trắc					QCVN 03:2019/ BYT
			Phòng inverter	Phòng kho	Phòng 22KV/ 35kV	Điều khiển trung tâm	Phòng bơm chữ cháy	
1	CO ₂	mg/m ³	287	309	430	511	295	≤ 7.031
2	CO	mg/m ³	2,03	-	1,55	0,67	1,03	≤20
3	SO ₂	mg/m ³	0,069	-	0,045	0,034	0,037	≤5
4	NO ₂	mg/m ³	0,071	-	0,037	0,022	0,039	≤5

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2023)

b. Quan trắc môi trường không khí năm 2024.

- Tên đơn vị quan trắc: Công ty CP Safety Care Environment

- Địa chỉ: 151 Đỗ Pháp Thuận, khu phố 5, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, Tp.HCM

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc bụi định kỳ năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Khu vực quan trắc					QCVN 02:2019/ BYT
			Phòng inverter	Phòng kho	Phòng 35kV	Phòng điều khiển trung tâm	MBA 220KV/ 35KV	
1	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,21	0,24	0,05	0,07	0,62	≤ 6,25

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024)

Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc CO₂, CO, NO₂, SO₂ định kỳ năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Khu vực quan trắc					QCVN 03:2019/ BYT
			Phòng inverter	Phòng kho	Phòng 35kV	Điều khiển trung tâm	Phòng bơm chữ cháy	
2	CO ₂	mg/m ³	482	590	585	819	516	≤ 7.031
3	CO	mg/m ³	2,72	-	2,67	0,73	2,86	≤15,6
4	SO ₂	mg/m ³	0,03	-	0,02	0,03	0,05	≤3,91
5	NO ₂	mg/m ³	0,059	-	0,63	0,02	0,06	≤3,91

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024)

CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thành cần đưa vào vận hành thử nghiệm bao gồm: bể tự hoại 5 ngăn.

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án như sau:

Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường

TT	Tên hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất tại thời điểm vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
1	Bể tự hoại 05 ngăn	Sau khi có giấy phép môi trường	3-6 tháng	50% công suất so với công suất hoạt động chính thức.	80% công suất hoạt động chính thức.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý

 Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường.

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Dự án thuộc đối tượng tự quyết định thực hiện việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án, nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Bảng 6. 2. Kế hoạch quan trắc nước thải

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Số mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Sau bể khử trùng trước khi tự thấm	pH, TSS, BOD ₅ , Amoni, nitrate, dầu mỡ động thực vật, phosphate, coliform.	03 mẫu đầu ra sau xử lý trong 3 ngày liên tục	Ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành thử nghiệm	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A

🚧 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty sẽ thuê đơn vị quan trắc có chức năng tiến hành lấy mẫu, phân tích. Công ty dự kiến 02 đơn vị sau (Tùy vào tình hình thực tế đơn vị quan trắc có thể thay đổi):

- Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu, Vimcerts 117.
- + Địa chỉ: số 3 Tân Thới Nhất 20, Khu Phố 4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp HCM.
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 117 theo Quyết định số 468/QĐ-BTNMT ngày 11/03/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
- + Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số VLAT-1.0444 theo Quyết định số 203/QĐ-ASOC ngày 20/12/2021 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng.
- Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi Trường Phương Nam, Vimcerts 039.
- + Địa chỉ: 1358/21/5G Quang Trung, P.14, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 039 theo Quyết định số 308/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
- + Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số VILAS 682 theo Quyết định số 93.2020/QĐ-VCNCL ngày 13/02/2020 của Văn phòng công nhận chất lượng phòng thí nghiệm của Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Sau bể khử trùng

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần;
- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, Amoni, nitrate, dầu mỡ động thực vật, phosphate, coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt).

Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: Các khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần;
- Chỉ tiêu giám sát: thành phần, khối lượng chất thải phát sinh;
- Quy chuẩn so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc trường hợp quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí giám sát khoảng 50 triệu đồng/năm.

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian 2 năm 2022 và 2023 cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 xin cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ chương trình quản lý môi trường bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà cơ sở bắt buộc phải áp dụng; Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường, cam kết cụ thể như sau:

☒ Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý các loại chất thải:

- Thu gom và thoát khí thải: Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải như đã đề xuất trong báo cáo.
- Xử lý nước thải: Nghiêm túc thực hiện các biện pháp đối với các nguồn nước thải phát sinh như đã đề xuất trong báo cáo.
- Thu gom, xử lý chất thải rắn:
 - + Đối với chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom, phân loại và tái sử dụng và hợp đồng thu mua với đơn vị chức năng.
 - + Đối với chất thải rắn sinh hoạt: đảm bảo thu gom, phân loại toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh và tập kết về đúng vị trí, ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý CTR sinh hoạt phát sinh từ cơ sở.
 - + Đối với chất thải nguy hại: Quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Đồng thời ký hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải có chức năng và đủ thẩm quyền. Đảm bảo thu gom, phân loại toàn bộ CTNH phát sinh tại cơ sở và lưu trữ về kho chứa CTNH, bố trí các thùng chứa phân loại theo đúng quy định, đảm bảo kết cấu kho chứa theo quy định và đảm bảo an toàn về PCCC, đổ tràn chất thải trong quá trình lưu trữ.
- Đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các sự cố, rủi ro môi trường;
- Thực hiện đầy đủ những quy định của pháp luật về sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát môi trường theo các quy định hiện hành.
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát chất thải đảm bảo đúng quy định pháp luật môi trường.
- Cam kết khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai cơ sở.

- Quá trình triển khai cơ sở nếu để xảy ra các sự cố về môi trường, Chủ cơ sở cam kết sẽ thực hiện khắc phục sự cố, khôi phục, cải tạo và đền bù theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3801185615

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 10 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 07 tháng 06 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG LỘC NINH 2

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LOC NINH 2 ENERGY JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY LỘC NINH 2

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 48, Đường Lê Duẩn, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước,
Việt Nam*

Điện thoại: 0388499311

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 5.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN DƯƠNG QUỐC THÁI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc điều hành

Sinh ngày: 29/01/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079073005185

Ngày cấp: 28/04/2017

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và
DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 1416/31/34V Lê Đức Thọ, Phường 13, Quận Gò Vấp, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 1416/31/34V Lê Đức Thọ, Phường 13, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Duy Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2660/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 21 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Công văn số 1546/TTg-CN ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Dự án nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2039/BC-SKHĐT-KTĐN ngày 21/11/2018 về quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 do Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 làm chủ đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801185615, do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/10/2018.

Địa chỉ trụ sở: Đường Lý Thường Kiệt, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hùng Cường; sinh ngày 20/7/1980; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số 013578743, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 27/9/2012; địa chỉ thường trú: Số 5, ngách 52/85 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa,



9/11/2018

thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: Số 5, ngách 52/85 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; chức danh: Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2.
2. Mục tiêu: Đầu tư xây dựng nhà máy điện năng lượng mặt trời.
3. Quy mô dự án: Tổng công suất thiết kế 200MWp.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Công ty có trách nhiệm triển khai dự án theo đúng tọa độ, vị trí quy định trong Công văn số 1447/UBND-TH ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh trình Bộ Công Thương và Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch.

5. Diện tích, nguồn gốc đất sử dụng:

- Diện tích: Khoảng 240 ha.
- Nguồn gốc đất: Thuộc quyền sử dụng của các tổ chức, cá nhân.

Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 có trách nhiệm thỏa thuận đền bù tài sản đầu tư trên đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất thực hiện dự án theo quy định. Chỉ được thực hiện dự án trên diện tích đất đã được chuyển đổi sang trồng cây cao su và các loại cây trồng khác; tuyệt đối không được xâm phạm vào diện tích rừng tự nhiên, rừng khoanh nuôi bảo vệ trong khu vực dự án (nếu có).

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.973,650 tỷ đồng.

Trong đó: vốn góp của chủ đầu tư 794,730 tỷ đồng (chiếm 20%); vốn vay 3.178,920 tỷ đồng (chiếm 80%).

Trong quá trình triển khai dự án, Công ty có trách nhiệm thu xếp nguồn vốn vay và đảm bảo nguồn vốn của chủ sở hữu tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư của dự án theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12/9/2017 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày được Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2018: Thực hiện thủ tục pháp lý.
- Từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019: Xây dựng, lắp đặt thiết bị và đi vào hoạt động.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2013) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được miễn, giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, giao đất và các ưu đãi khác:

Được miễn, giảm tiền thuê đất, giao đất và được hưởng các ưu đãi đầu tư khác theo quy định của Chính phủ và tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Việc điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển đổi chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 45 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc giãn tiến độ đầu tư; tạm ngừng, ngừng hoạt động dự án thực hiện theo Điều 46, 47 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

4. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động trước thời hạn, bị thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

5. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường và các thủ tục khác có liên quan trước khi khởi công dự án theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. UBND huyện Lộc Ninh bổ sung khu đất trên vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND huyện Lộc Ninh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan hướng dẫn nhà đầu tư triển khai các thủ tục tiếp theo đúng quy định.

3. Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 có trách nhiệm: Lập dự án đầu tư trên diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng và phương án trồng rừng thay thế đối với diện tích sẽ chuyển sang mục đích khác trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được lập thành 03 (Ba) bản. Nhà đầu tư được cấp một bản. Một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4, 5;
- LĐVP, TTHCC, Phòng: TH, KT;
- Lưu: VT. (Quế-21.11)

CHỦ TỊCH ^{LC}



Nguyễn Văn Trăm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 803 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 25 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(Điều chỉnh lần thứ nhất)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1546/TTg-CN ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự án nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vào quy hoạch điện VII điều chỉnh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1805/BCT-ĐL ngày 19/3/2019 của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh vị trí các dự án điện mặt trời Lộc Ninh 1, 2, 4, 5 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh;



11/2019

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 565/BC-SKHĐT-ĐKKD ngày 12/4/2019 về điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 do Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 làm chủ đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung dự án đầu tư, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án:

- Trước khi điều chỉnh: Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Công ty có trách nhiệm triển khai dự án theo đúng tọa độ, vị trí quy định trong Công văn số 1447/UBND-TH ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh trình Bộ Công Thương và Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch.

- Sau khi điều chỉnh: Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Điều chỉnh diện tích, nguồn gốc đất sử dụng:

- Trước khi điều chỉnh:

+ Diện tích: Khoảng 240 ha.

+ Nguồn gốc đất: Thuộc quyền sử dụng của các tổ chức, cá nhân.

Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 có trách nhiệm thỏa thuận đền bù tài sản đầu tư trên đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất thực hiện dự án theo quy định. Chỉ được thực hiện dự án trên diện tích đất đã được chuyển đổi sang trồng cây cao su và các loại cây trồng khác; tuyệt đối không được xâm phạm vào diện tích rừng tự nhiên, rừng khoanh nuôi bảo vệ trong khu vực dự án (nếu có).

- Sau khi điều chỉnh:

+ Diện tích: Khoảng 248 ha.

+ Nguồn gốc: Thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH MTV vận tải chế biến gỗ Phong Phú được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT10240 ngày 21/12/2017. Công ty đã có thỏa thuận nhận chuyển nhượng lại để thực hiện dự án. Dự án xin chuyển sang thực hiện điện năng lượng mặt trời phải được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp quy hoạch; trong quá trình thực hiện dự án tuyệt đối không

được xâm phạm vào diện tích rừng tự nhiên, rừng khoanh nuôi bảo vệ trong khu vực (nếu có).

3. Điều chỉnh tổng vốn đầu tư của dự án:

- Trước khi điều chỉnh:

+ Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.973,650 tỷ đồng. Trong đó: vốn góp của chủ đầu tư 794,730 tỷ đồng (chiếm 20%); vốn vay 3.178,920 tỷ đồng (chiếm 80%).

+ Trong quá trình triển khai dự án, Công ty có trách nhiệm thu xếp nguồn vốn vay và đảm bảo nguồn vốn của chủ sở hữu tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư của dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12/9/2017 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.

- Sau khi điều chỉnh:

+ Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.664,552 tỷ đồng. Trong đó: vốn góp của chủ đầu tư 723,9 tỷ đồng (chiếm 20%); vốn vay 2.931,64 tỷ đồng (chiếm 80%).

+ Trong quá trình triển khai dự án, Công ty có trách nhiệm thu xếp nguồn vốn vay và đảm bảo nguồn vốn của chủ sở hữu tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư của dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12/9/2017 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.

Điều 4. Bổ sung trách nhiệm của một số đơn vị liên quan và nhà đầu tư:

1. UBND huyện Lộc Ninh bổ sung khu đất trên vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Lộc Ninh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan hướng dẫn nhà đầu tư triển khai các thủ tục tiếp theo đúng quy định.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì rà soát diện tích rừng tự nhiên, diện tích rừng phải khoanh nuôi, bảo vệ (nếu có), hướng dẫn quản lý, bảo vệ phần diện tích rừng này theo quy định.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì phối hợp cùng các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư theo quy định.

5. Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 có trách nhiệm liên hệ với Sở Nông nghiệp và PTNT để được hướng dẫn thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án trồng rừng thay thế trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định mới triển khai thực hiện các

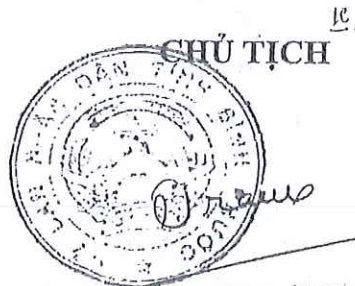
trình tự tiếp theo; thực hiện các báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điều 53, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ (*Biểu mẫu báo cáo thực hiện theo biểu 1, 2, 3 tại Phụ lục III, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*).

Điều 3. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 và Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được lập thành 03 (*Ba*) bản. Nhà đầu tư được cấp một bản, một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4, 5;
- LĐVP, TTHCC, P: TH, KT;
- Lưu: VT. (Quế-16.4)



Nguyễn Văn Trầm

Số: 138 /HĐTĐ

Bình Phước, ngày 08 tháng 9 năm 2020

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng Đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi đất của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Chế biến gỗ Phong Phú, Công ty TNHH Chăn nuôi Lộc Tấn, chuyển mục đích sử dụng đất đồng thời cho Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 thuê đất để xây dựng Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2;

Căn cứ Thông báo số 420/TB-CT ngày 20/02/2020 của Cục Thuế tỉnh Bình Phước về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước.

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

I. Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước:

Do ông Lê Hoàng Lâm, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

II. Bên thuê đất là Công ty Cổ phần Năng Lượng Lộc Ninh 2:

Do ông Nguyễn Lê Trường, chức vụ là Chủ tịch HĐQT làm đại diện.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Lý Thường Kiệt, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0903253502

Fax:

Tài khoản:

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê là 2.476.179,0 m² (Hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi chín mét vuông) tại khoảnh 1, 2, 3, 4, 6, 7, tiểu khu 102 – Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh, thuộc địa giới hành chính xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Vị trí, ranh giới khu đất: Được thể hiện theo Mảnh trích do địa chính tỷ lệ 1/5.000 do Công ty TNHH Một thành viên Đo đạc Bình Phước thực hiện ngày 30/12/2019, đã được Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra ngày 03/01/2020.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 21/11/2068.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất công trình năng lượng (Xây dựng Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm: 1.138.789.906 đồng/năm (Một tỷ, một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm lẻ sáu đồng trên năm). Thời gian ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 10/01/2020 đến ngày 09/01/2025.

Tiền thuê đất được tính: Từ ngày 10/01/2020.

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp hàng năm, mỗi năm nộp 02 kỳ, kỳ thứ nhất nộp tối thiểu 50% trước ngày 31 tháng 5 hàng năm, kỳ thứ hai nộp trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước (hoặc Kho bạc Nhà nước huyện Lộc Ninh).

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.
2. Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận.
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể.
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp Luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Lê Trường

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)

GIAM ĐỐC



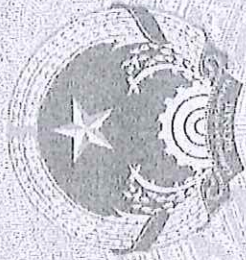
Lê Hoàng Lâm

Y/Đ
N
JNG
12
NH P

12
NAM
T
Đ

11/11/11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Năng lượng Lạc Ninh 2

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801185615 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 5 ngày 12/02/2020.

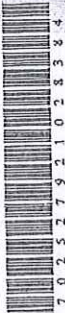
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Lý Thường Kiệt, Khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

CY 233890

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



11/05/2020

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

I. Thừa đất:

- Thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: MTD-2019,
- Địa chỉ thửa đất: xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước,
- Diện tích: 2.476.179,0 m²,
(Bằng chữ: hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi chín mét vuông),
- Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- Mục đích sử dụng đất: đất công trình năng lượng,
- Thời hạn sử dụng: đến ngày 21/11/2068,
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Được miễn toàn bộ tiền thuê đất theo Quyết định số 696/QĐ-CT ngày 12/5/2020 của Cục thuế Bình Phước./.

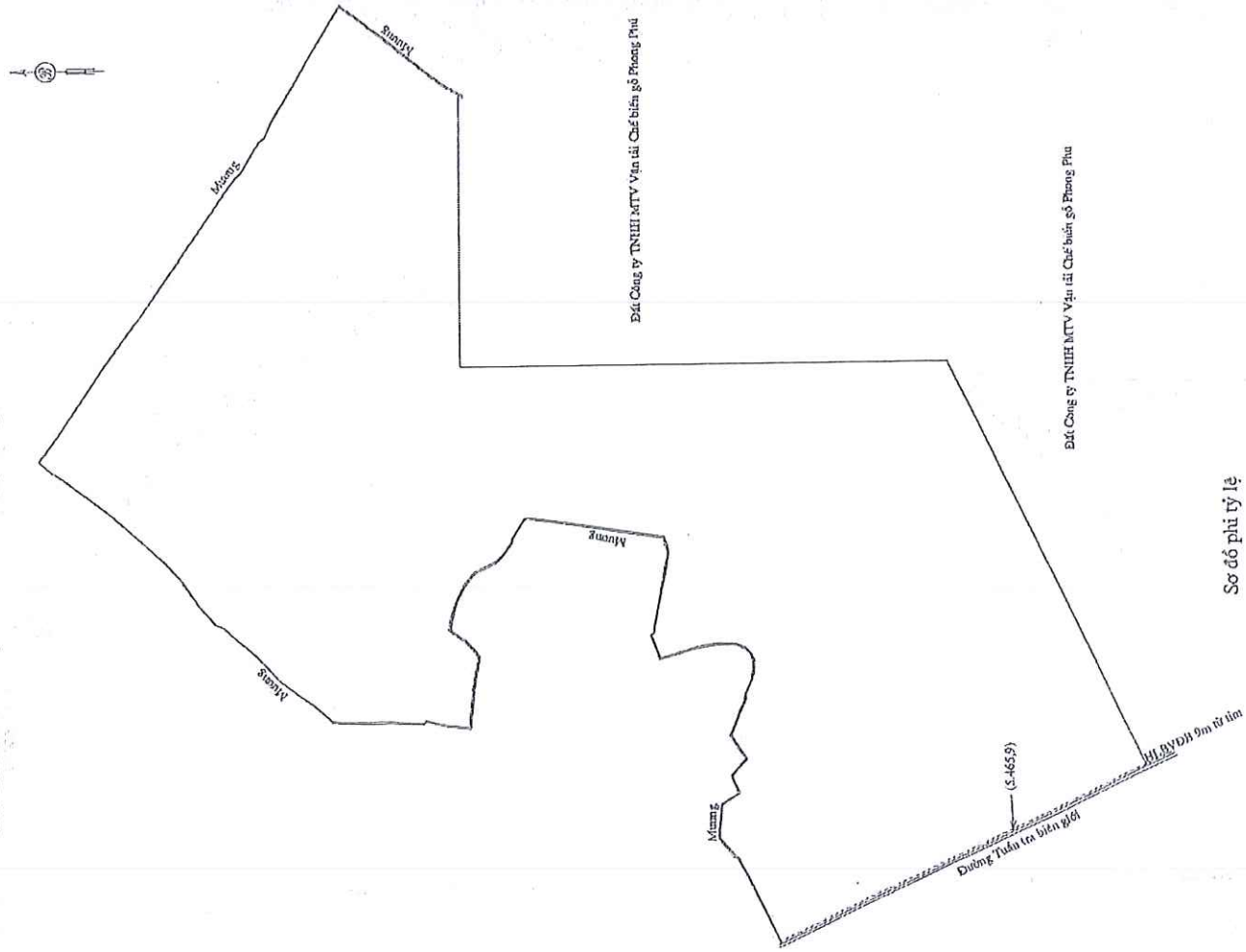
Bình Phước, ngày 26 tháng 01 năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Quang Hoàng Anh Tuấn

Số vào sổ cấp GCN: CT...30421

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Sơ đồ phi tỷ lệ

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 345 /STNMT-CCBVM

Bình Phước, ngày 05 tháng 02 năm 2024

V/v ý kiến việc điều chỉnh một số
nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà
máy điện năng lượng mặt trời Lộc
Ninh 2 của Công ty cổ phần năng
lượng Lộc Ninh 2

Kính gửi: Công ty cổ phần năng lượng Lộc Ninh 2

Sở Tài nguyên và Môi trường có nhận được công văn số 001/24-CV-NLLN2 ngày 03/01/2024 của Công ty cổ phần năng lượng Lộc Ninh 2 về việc đề nghị điều chỉnh một số nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt của Dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 (sau đây gọi tắt là Dự án). Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 công suất 200MWp tại xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 làm chủ đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi là báo cáo ĐTM) tại Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 09/5/2019. Trong quá trình thực hiện, Công ty đề nghị điều chỉnh một số nội dung như sau:

- Công trình thu gom, xử lý nước từ quá trình rửa pin mặt trời: Theo nội dung báo cáo ĐTM đã phê duyệt: Nước thải sau khi rửa pin được dẫn về hệ thống thu gom sau đó đưa về hồ điều hòa có dung tích 25.200 m³ (được bố trí trong khuôn viên khu đất Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 1 và dùng chung cho nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2); các rãnh thoát nước rửa pin được xây dựng bằng bê tông. Qua 3 năm hoạt động, Công ty nhận thấy dự án sử dụng công nghệ robot rửa pin giúp tiết kiệm khối lượng nước cần sử dụng, hoạt động rửa pin chỉ diễn ra vào các tháng mùa khô và thành phần nước rửa tấm pin chủ yếu là chất rắn lơ lửng, không chứa thành phần nguy hại. Do đó, Công ty đề nghị điều chỉnh quy trình thu gom, xử lý nước thải rửa pin của Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 là nước rửa pin được thu gom về hồ điều hòa có dung tích 7.296 m³.

- Đối với nước mưa: Theo nội dung báo cáo ĐTM: Nước mưa từ Nhà máy Lộc Ninh 2 qua hệ thống thu gom được dẫn về hồ điều hòa đặt tại Nhà máy Lộc Ninh 1 có dung tích 25.200 m³. Hiện nay, Công ty đề nghị điều chỉnh thể tích hồ

điều hòa dùng cho mục đích chứa nước mưa chảy tràn (đặt tại Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 1) từ 25.200 m³ thành 7.296 m³ do phần lớn lượng nước mưa được thoát theo địa hình tự nhiên và lượng mưa trung bình ngày vào tháng cao điểm mùa mưa tại khu vực Lộc Ninh không lớn.

Theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những nội dung đề nghị thay đổi nêu trên để được xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp giấy phép môi trường cho Dự án trên cơ sở rà soát lượng chất thải nguy hại thực tế phát sinh đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về điều chỉnh một số nội dung Báo cáo ĐTM dự án của Công ty cổ phần năng lượng Lộc Ninh 2./.

Nơi nhận: *Như trên*

- Như trên;

- Lưu: VT, CCBVMT.

Như trên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Đình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 925 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 09 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhà máy
điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2, công suất 200MWp
tại xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
do Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về
quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh
giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về
quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Căn cứ Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi
trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất
lượng không khí xung quanh;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTNMT ngày 31/3/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi
trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác
động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;



Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ Chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc;

Căn cứ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh lần thứ nhất Quyết định chủ trương đầu tư Dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2;

Căn cứ Thông báo số 89/TB-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Trăm - Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe: báo cáo tiến độ thực hiện đường dây 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2; tiến độ thực hiện Cảng cạn Hoa Lư và các dự án tại Khu Di tích Lịch sử Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam - Tà Thiết; xem xét giao đất cho UBND huyện Lộc Ninh và các doanh nghiệp tại Khu Kinh tế cửa khẩu Hoa Lư để thực hiện dự án xử lý chất thải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-STNMT ngày 26/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2, công suất 200MWp tại xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Dự án) do Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 làm chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô của Dự án:

a) Phạm vi của Dự án: xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

b) Quy mô của Dự án:

- Công suất: 200 MWp.

- Diện tích: khoảng 244ha.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a) Phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

b) Trong quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn theo quy định tại các Quy chuẩn Việt Nam QCVN

26:2010/BTNMT và độ rung theo quy định tại Quy chuẩn Việt Nam QCVN 27:2010/BTNMT. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường do bụi và các khí độc hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Nồng độ bụi và các khí thải độc hại trong môi trường không khí xung quanh phải đảm bảo đạt các Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT.

c) Thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt và các loại chất thải rắn khác theo đúng quy định; thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

d) Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

e) Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phòng, chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ khi vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng công trình, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

f) Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

g) Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát môi trường và thực hiện công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 24/CV-UBND ngày 18/02/2019 của UBND xã Lộc Tấn về việc ý kiến tham vấn của dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 18/02/2019 tại UBND xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

3. Các điều kiện kèm theo:

a) Chủ dự án phải đảm bảo đủ 20% diện tích cây xanh trong khu vực nhà điều hành, nhà ở công nhân và các công trình phụ trợ phục vụ cho Nhà máy điện mặt trời.

b) Chủ dự án phải bố trí trồng cây xanh quanh khu vực hàng rào nhà máy, đồng thời liên hệ với Sở Xây dựng và các đơn vị có chức năng để được hướng dẫn thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo khoảng cách cách ly từ hàng rào đến

khu vực đặt tấm pin của nhà máy đảm bảo quy định trước khi Dự án đi vào hoạt động.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

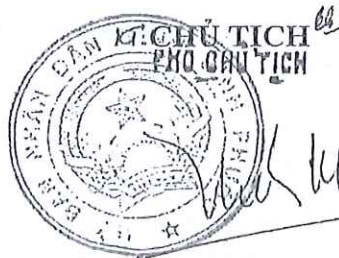
Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án theo quy định.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường; Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh; Chủ tịch UBND xã Lộc Tấn; Người đại biện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- CT, PCT;
- Như Điều 5;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT (30-QĐ-NN).



Huỳnh Anh Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 98 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 13 tháng 11 năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 59/2015/TT-BTNMT ngày 14/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật khoan điều tra, đánh giá và thăm dò nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 781/TTr-STNMT ngày 12/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2, địa chỉ tại đường Lý Thường Kiệt, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Khai thác nước dưới đất phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2 thuộc Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Tiểu khu 102, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Lộc Ninh, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (thuộc đất Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 thuê theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh Bình Phước).

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt Jura trên - Creta dưới (J_3-k_1).

4. Tổng số giếng khai thác: Một (01) giếng khoan.

5. Chế độ khai thác: 06 giờ/ngày.đêm và được khai thác mười hai (12) tháng/năm, hoạt động tất cả các ngày trong tháng.

6. Tổng lượng nước khai thác: 30 m³/ngày.đêm (25 m³/ngày.đêm sử dụng cho hoạt động sản xuất; 05 m³/ngày.đêm sử dụng cho sinh hoạt).

7. Thời hạn khai thác: Năm (05) năm, tính từ ngày ban hành Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰)		Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày.đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
G1	522.909	1.319.826	30	06	12	42	7,35	27	J_3-k_1

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2, công suất 200 MWp, lưu lượng khai thác 30 m³/ngày.đêm do Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 lập).

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Bảo vệ nước dưới đất trong quá trình khai thác theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất.

3. Trong quá trình khai thác nước dưới đất, đầu tư, lắp đặt thiết bị, bố trí nhân lực quản lý, thực hiện quan trắc lưu lượng, mực nước, chất lượng tại một (01) giếng khoan có ký hiệu G1 nêu trên với chế độ giám sát: Không quá 12 giờ 01 lần và cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 20 giờ hàng ngày đối với thông số lưu lượng và mực nước trong giếng khai thác; cập nhật kết quả phân tích chất lượng nước vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ khi có kết quả phân tích.

4. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước và Điều 08 Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

6. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

7. Lập Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và nộp tiền cấp quyền khai thác nước theo đúng quy định của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Từ ngày được cấp Giấy phép đến hết thời hạn năm (05) năm nêu tại Điều 1 của Giấy phép này.

8. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định.

9. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Năng lượng Lộc Ninh 2 còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện Lộc Ninh;
- Công ty CP Năng lượng Lộc Ninh 2;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-80-GP).



(Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt
và rác thải công nghiệp không nguy hại)
Số: 05 /HĐKT-ĐT

- Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực, bên A không được phép giao chất thải cho đơn vị



khác xử lý, nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

Thanh toán chi phí xử lý cho bên B đúng thời hạn.

2.2: Trách nhiệm của bên B

Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải tại nhà máy bên A.

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy theo pháp luật hiện hành trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý.

Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của bên A, hoàn tất các chứng từ liên quan đến việc xử lý chất thải của bên A theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường.

Sau khi chất thải của Bên A giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh Môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ

Số lượng chất thải thu gom: Khoán gọn 04 lần/ tháng.

Đơn giá vận chuyển và xử lý (Bao gồm chi phí thu gom, lưu giữ, xử lý): Theo thực tế khoán gọn giữa bên A giao cho bên B theo quy định.

Giá trị thanh toán: **1.500.000đ/tháng**

Số tiền bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng .

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo số tài khoản của bên B được nêu ở phần hợp đồng này hoặc tiền mặt bằng đồng Việt Nam.

Thời hạn thanh toán: Vào cuối mỗi tháng hai bên tiến hành kiểm tra đối chiếu công nợ, căn cứ biên bản giao nhận có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên. Bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A về việc xử lý chất thải.

Bên A thanh toán toàn bộ chi phí xử lý cho bên B ngay khi nhận được biên lai hoặc hóa đơn tài chính của Bên B

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì phải thông báo bằng văn bản trước 30 ngày.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng có giá trị đến hết tháng 12/2024 và trong khi thực hiện hợp đồng được thay đổi khi có chính sách nhà nước ban hành đơn giá mới hay do nhu cầu mỗi bên thì được thông báo bằng văn bản trước 30 ngày cho nhau về vấn đề chấm dứt hay thay đổi hợp đồng.

Mọi sự thay đổi, bổ sung của hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản và được ký bởi đại diện có thẩm quyền của mỗi bên. Nếu bên nào vi phạm thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
NGUYỄN XUÂN NGUYỄN

ĐẠI DIỆN BÊN B



Tô Văn Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--00000--

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
SERVICE CONTRACT

Số/ No.: 4700000299/HDMD-NH

V/v: thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Collection, transportation and treatment of hazardous waste

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
Pursuant to the Civil Code No. 91/2015/QH13 dated November 24, 2015 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, effective from January 01, 2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành;
Pursuant to the Commercial Law No. 36/2005/QH11 dated June 14, 2005 promulgated by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 17, 2020, effective from January 1, 2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.
Pursuant to Decree No. 08/2022/ND-CP dated January 10, 2022 detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection.
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
Pursuant to Circular 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 216/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 16/09/2022;
Pursuant to the Environmental license code 216/GPMT-BTNMT, of Mien Dong Environmental Joint Stock Company issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on 16/09/2022;
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800611275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 18/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06/03/2024 cho Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông;
Pursuant to the business registration certificate No. 3800611275 issued by the Department of Planning and Investment of Binh Phuoc province on 18/09/2009, 8th change registration on 06/03/2024 to Mien Dong Environmental Joint Stock Company;

- Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của hai bên;

Based on the needs and capability of both parties;

Hôm nay, ngày .11. tháng .11. năm 2024 ("*Ngày Hiệu lực*"), chúng tôi gồm:

Today, _____, 2024 (the "Effective Date"), we include:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG LỘC NINH 2

PARTY A : LOC NINH 2 ENERGY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 48, Đường Lê Duẩn, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Address : No. 48 Le Duan Street, Tan Phu Ward, Dong Xoai City, Binh Phuoc Province, Vietnam

Mã số thuế : 3801185615

Tax ID : 3801185615

Đại diện : (Ông) SUPA WAISAYARAT

Representative: (Mr.) SUPA WAISAYARAT

Chức vụ : Giám đốc

Position : Director

(Theo Giấy ủy quyền của ông Nguyễn Dương Quốc Thái – Giám đốc điều hành Công ty cho ông Supa Waisayarat ký ngày 21/06/2021)

(Under the Power of Attorney of Mr. Nguyen Duong Quoc Thai – Managing Director to Mr. Supa Waisayarat dated June 21st, 2021)

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

PARTY B : MIEN DONG ENVIRONMENTAL JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế : 3800611275

Tax code : 3800611275

Địa chỉ VP : 200 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, HCM

Office address: 200 Nguyen Van Linh, Tan Thuan Tay Ward, District 7, HCM

Địa chỉ NM : Ấp Cần Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước

Factory address: Can Le Hamlet, Loc Thinh Commune, Loc Ninh District, Binh Phuoc Province

Điện thoại : 028 35351275

Fax: 028 35352275

Telephone : 028 35352275

Fax: 028 35352275

Đại diện : (Ông) NGUYỄN DUY PHƯƠNG

Representative: (Mr) NGUYỄN DUY PHƯƠNG

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc thường trực

Position : Permanent Deputy General Director

(Theo Giấy ủy quyền số 2411-05/UQ-MTMD/2024 ngày 01/11/2024)

(Under the Power No. 2411-05/UQ-MTMD/2024 dated November 1, 2024)

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ("Hợp đồng") theo những điều khoản sau:

The two Parties mutually agree to sign contracts for collection, transportation, and treatment of hazardous waste ("Contract") on the following terms:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**ARTICLE 1: CONTENTS AND DURATION OF THE CONTRACT**

- 1.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của Bên A. Danh mục các loại chất thải nguy hại được liệt kê tại Điều 2.

Party A agrees to assign Party B to collect, transport and treat hazardous waste arising in Party A's production activities. The list of hazardous wastes is listed in Article 2.

- 1.2. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

Collection Time and Location

- (a) Thời gian thu gom: 03 lần. Thời gian thu gom thực tế theo thỏa thuận giữa hai bên nhưng Bên A sẽ báo cho Bên B trước 03 ngày làm việc.

Collection time: 03 times. The actual collection shall be according to the agreement between the two parties, but Party A shall notify Party B 03 working days in advance.

- (b) Địa điểm thu gom: Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 2 tại xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Location of collection: at Loc Ninh 2 Solar Power Plant at Loc Tan Commune, Loc Ninh District, Binh Phuoc Province.

- 1.3. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Contract performance duration

- (a) Thời gian thực hiện công việc nêu tại Khoản 1.1 là 13 (mười ba) tháng, kể từ ngày 01/12/2024 đến hết ngày 31/12/2025.

The Contract performance time of work set out in Clause 1.1 shall be 13 (thirteen) months, from December 1st, 2024 to December 31th, 2025.

- (b) Trong trường hợp hai bên có nhu cầu gia hạn hoặc ký mới Hợp đồng, hai bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn Hợp đồng.

In case the two parties wish to extend or renew the Contract, the two parties shall agree in writing within 15 (fifteen) days before the expiration date of the Contract.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**ARTICLE 2: UNIT PRICE, CONTRACT VALUE AND PAYMENT METHOD**

- 2.1. Giá trị hợp đồng:

Contract Value

- (a) Tổng giá trị hợp đồng khoán (chưa bao gồm thuế GTGT) là 15.000.000 VNĐ (Mười lăm triệu đồng).

The lumpsum contract value (excluding VAT) is 15,000,000 VND (Fifteen million Vietnam dong).

- (b) Thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn.

VAT shall be in accordance with current regulations at the time of invoice issuance.

- (c) Tổng giá trị hợp đồng là giá cho 03 lần thu gom trong suốt thời hạn hợp đồng nêu tại Khoản 1.3 với tổng khối lượng chất thải thu gom ≤ 750 Kg (với tổng khối lượng bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải ≤ 75 Kg).

The lumpsum contract value is the price for 03 collections during the contract term mentioned in Clause 1.3 with the total collection volume of ≤ 750 Kg (with total volume of waste lamps and waste activated glasses ≤ 75 Kg).

- (d) Trong trường hợp tổng khối lượng chất thải thu gom >750 Kg (với tổng khối lượng bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải >75 Kg) thì Bên A phải thanh toán thêm cho Bên B chi phí khối lượng phát sinh là 15.000 VNĐ/Kg, riêng bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải là 30.000 VNĐ/Kg (Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT).

In case the collection volume exceeds the above-mentioned limit, Party A must additionally pay Party B for the incurred volume, which is 15,000 VND/Kg, and waste lamps and waste activated glasses is 30,000 VND/Kg (The unit prices above do not include VAT).

Danh mục chất thải nguy hại (“CTNH”)

List of hazardous waste

Stt No.	Loại chất thải <i>Type of Waste</i>	Trạng thái tồn tại <i>State</i>	Mã CTNH <i>Code</i>	Phương pháp xử lý <i>Disposal Method</i>
01	Hộp mực in thải <i>Ink Cartridge waste</i>	Rắn <i>Solid</i>	08 02 04	Thiêu đốt <i>Incineration</i>
02	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải <i>Waste fluorescent lamps and waste activated glasses</i>	Rắn <i>Solid</i>	16 01 06	Nghiền - Hóa rắn <i>Crushing - Solidification</i>
03	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiăng) thải <i>Metallic packaging containing a hazardous solid porous matrix (for example asbestos), including pressure containers</i>	Rắn <i>Solid</i>	18 01 02	Súc rửa <i>Cleansing</i>
04	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải <i>Hard plastic materials packaging (containing hazardous substance)</i>	Rắn <i>Solid</i>	18 01 03	Súc rửa <i>Cleansing/</i> Thiêu đốt <i>Incineration</i>
05	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải <i>Soft packaging containing residues of or contaminated by hazardous substances</i>	Rắn <i>Solid</i>	18 01 01	Thiêu đốt <i>Incineration</i>
06	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại <i>Absorbents, filter materials (including oil filters not otherwise specified), wiping cloths, protective clothing contaminated by hazardous substances</i>	Rắn <i>Solid</i>	18 02 01	Thiêu đốt <i>Incineration</i>
07	Ắc quy chì thải <i>Lead batteries</i>	Rắn <i>Solid</i>	19 06 01	Tái chế <i>Recycling</i>
08	Dầu truyền nhiệt và cách điện gốc khoáng thải không có clo (Dầu máy biến áp/ dầu truyền tải nhiệt cách điện)	Lỏng <i>Liquid</i>	17 03 03	Thiêu đốt <i>Incineration</i>

	<i>Mineral-based non-chlorinated insulating and heat transmission oils (Transformer oil/insulating heat transmission oil)</i>			
09	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác (Dung môi pha sơn) <i>Other solvents and solvent mixtures (Solvent for mixing paint)</i>	Lỏng <i>Liquid</i>	17 08 03	Tái chế Dung môi <i>Solvent Recycling</i>
10	Các loại pin, ắc quy khác <i>Other batteries</i>	Rắn <i>Solid</i>	19 06 05	Tái chế <i>Recycling</i>

2.2. Tiến độ thanh toán

Payment schedule

- (a) **Đợt 1:** Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 5.000.000 VNĐ và thuế GTGT tương ứng trong vòng 15 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được đề nghị thanh toán và Hóa đơn GTGT hợp lệ từ Bên B. Bên B có trách nhiệm gửi Chứng từ chất thải nguy hại và Biên bản nghiệm thu của chuyến thứ 01 cho Bên A trong vòng 30 ngày ngay sau khi Bên B hoàn thành chuyến thu gom chất thải lần 01.

1st payment: Party A will pay to Party B 5,000,000 VND and corresponding VAT within 15 days after the contract takes effective and Party A receives payment request and valid VAT invoice from Party B. Party B shall be responsible for sending the hazardous waste manifest and the Acceptance Minutes of 1st collection trip to Party A within 30 days after Party B completes the 1st collection trip.

- (b) **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho Bên B 5.000.000 VNĐ và thuế GTGT tương ứng trong vòng 30 ngày sau khi Bên B hoàn tất thu gom chuyến thứ 02 và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán gồm: đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên B, Biên bản nghiệm thu và Chứng từ chất thải nguy hại chuyến thứ 02.

2nd payment: Party A pays Party B 5,000,000 VND and corresponding VAT within 30 days after Party B completes 2nd collection trip and Party A receives all payment documents including: payment request, valid VAT invoice from Party B, the Acceptance Minutes and the hazardous waste manifest of 2nd collection trip.

- (c) **Đợt 3:** Bên A thanh toán cho Bên B 5.000.000 VNĐ và thuế GTGT tương ứng và toàn bộ các chi phí phát sinh (nếu có) trong vòng 30 ngày sau khi Bên B hoàn tất thu gom chuyến thứ 03 và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán gồm: đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên B, Biên bản nghiệm thu và Chứng từ chất thải nguy hại chuyến thứ 03.

3rd payment: Party A pays Party B 5,000,000 VND and corresponding VAT and all costs incurred (if any) within 30 days after Party B completes 3rd collection trip and Party A receives all payment documents including: payment request, valid VAT invoice from Party B, the Acceptance Minutes and the hazardous waste manifest of 3rd collection trip.

- 2.3. Hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B như sau:

Form of payment: in cash or by bank transfer to Party B's account as below:

Tên tài khoản/ Account Name: CONG TY CO PHAN MOI TRUONG MIEN DONG

Tài khoản số/ Account number: 11768689999 tại VP Bank – Hội sở HCM

2.4. Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Information about receiving e-invoices:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử <i>Full name of the recipient of the e-invoice</i>	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử <i>E-invoice email address</i>	Số điện thoại liên hệ <i>Contact phone number</i>
Nguyễn Thị Vinh	vinh.nt@supercorp.vn	0916 236 966

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG**ARTICLE 3: CONDITIONS FOR RECEIVING AND VOLUME DETERMINATION**

3.1. Điều kiện tiếp nhận:

Conditions for receiving:

- (a) Điều kiện lưu chứa: Chất thải nguy hại phải được thu gom, phân loại và tập trung tại Kho chứa chất thải riêng biệt của Bên A và được chứa trong các bao bì, thùng chứa chuyên dụng (do Bên A tự trang bị) theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải; đảm bảo an toàn, tránh rò rỉ ra môi trường.

Storage conditions: Hazardous waste must be collected, classified and concentrated at Party A's separate waste warehouse and stored in specialized packages and containers (equipped by Party A) in accordance with Circular 02/ 2022/TT-BTNMT or current regulations on waste management; ensure safety, avoid leakage into the environment.

- (b) Trong trường hợp Bên A để lẫn chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải nguy hại được quy định tại Điều 2.1 Hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ số chất thải bị lẫn đó.

In case Party A mixes medical waste, domestic solid waste, sewage sludge or other types of waste that are not on the list of hazardous waste specified in Article 2.1 hereof, Party B will refuse to collect such mixed waste.

3.2. Phương thức xác định khối lượng

Method of volume determination

- (a) Khối lượng của từng loại chất thải là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì lưu chứa loại chất thải đó.

The volume of each type of waste is the total volume including the packaging containing that type of waste.

- (b) Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

The volume of waste is determined by weighing at Party A's warehouse certified by Party B. In case it is not possible to determine the volume at Party A's warehouse, it will be based on the weighing record at Party B's electronic scale.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**ARTICLE 4: RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF BOTH PARTIES**

4.1. Quyền và trách nhiệm Bên A

Rights and responsibilities of Party A

- (a) Cử nhân sự phối hợp và thống nhất với Bên B về thời gian thu gom và vận chuyển chất thải.

To assign personnel to coordinate and agree with Party B on the time of waste collection and transportation.

- (b) Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, dán tem nhãn, lưu giữ chất thải thành từng nhóm, loại riêng biệt theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn của Nhà nước Việt Nam.

To organize the collection, classification, packing, labeling and storage of waste into separate groups and categories according to the provisions of Circular 02/2022/TT-BTNMT or current regulations on quality management solid waste of the State of Vietnam.

- (c) Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, nếu Bên A có bất kỳ sự thay đổi nào như: Tên cơ sở, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho Bên B biết trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày sự thay đổi đó được cơ quan nhà nước chấp thuận. Nếu không, mọi sai sót về sau có liên quan đến sự thay đổi đó Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

During the validity of the Contract, if Party A has any changes such as: Company name, Tax code, address, it must notify Party B within 03 working days from the date the change is approved by the state agency. Otherwise, Party A is solely responsible for any subsequent errors.

- (d) Thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 2. Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B, Bên A sẽ chịu phạt 0,1% giá trị chậm thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn, nhưng tổng giá trị phạt chậm thanh toán cộng dồn này không vượt quá 8% tổng giá trị chậm thanh toán.

To make payments to Party B according to the provisions of Article 2. In case of late payment by Party A, Party A shall pay a penalty of 0.1% of overdue amount for each date of delay, but the total aggregated penalty amount for the late payment shall not exceed 8% of the total late payment.

- (e) Không bàn giao chất thải cho đơn vị khác ngoài Bên B để xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải nêu tại Danh mục chất thải nguy hại trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chất thải mà Bên A không giao cho Bên B theo thỏa thuận.

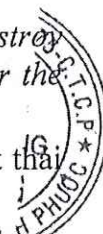
Not to hand over the waste to another company other than Party B to treat or destroy the waste by itself during the validity of the Contract and take responsibility for the waste that Party A does not deliver to Party B as agreed.

- (f) Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo đúng quy định hiện hành.

To follow strictly by document of hazardous waste at the transfer time in accordance with current regulations.

- (g) Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng trước hạn thì Bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho Bên B trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hai bên ký kết thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

In case Party A terminates the contract ahead of schedule, Party A must complete the debt settlement obligation to Party B within 30 (thirty) days from the date the termination agreement is signed by both parties.



4.2. Quyền và trách nhiệm Bên B

Rights and responsibilities of Party B

- (a) Vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại của Nhà nước Việt Nam.
To transport and treat waste according to current regulations on hazardous waste management of the State of Vietnam.
- (b) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được bàn giao cho Bên B tại địa điểm thu gom được quy định tại Điều 1.2(b) Hợp đồng này.
To be fully responsible before the law if waste is allowed to leak into the environment after the waste has been transferred to Party B at the location of collection as specified in Article 1.2(b) hereof.
- (c) Xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của Bên A.
To present necessary documents when entering Party A's plant.
- (d) Tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên A.
To comply with Party A's regulations and working rules.
- (e) Cung cấp phương tiện vận chuyển và trang bị đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn theo quy định khi đến thu gom chất thải nguy hại của Bên A.
To provide qualified transportation and bring all required safety equipment when collecting the hazardous waste of Party A.
- (f) Được quyền từ chối nhận chất thải ngoài Danh mục chất thải nguy hại được quy định tại Điều 2.1 Hợp đồng này và ngoài địa điểm thu gom được nêu tại Điều 1.2 của Hợp đồng, cho đến khi việc điều chỉnh Danh mục, địa điểm thu gom chất thải của Hợp đồng được các bên xác nhận đồng thuận.
To have the right to refuse to receive waste other than the List of waste specified in Article 2.1 and the receiving location specified in Articles 1.2 of the Contract, until the adjustment of the list, the waste receiving place of the Contract is amended.
- (g) Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải, yêu cầu Bên A hoàn trả Chứng từ chất thải nguy hại nếu Bên A không thực hiện thanh toán đúng theo Điều 2 của Hợp đồng.
To have the right to refuse to receive waste, request Party A to return hazardous waste manifest if Party A fails to make payment in accordance with Article 2 of the Contract.
- (h) Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo đúng quy định hiện hành.
To follow strictly by document of hazardous waste at the transfer time in accordance with current regulations.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 5: GENERAL TERMS

- (a) Hai Bên cam kết thực hiện các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.
Both Parties commit to implement the terms agreed in the Contract.
- (b) Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng. Mọi sự thay đổi nội dung cam kết của Hợp đồng này, nếu có, sẽ cùng được thảo luận và đồng thuận, trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lợi ích của nhau.

When there is any change or addition to the contents of the Contract, the two Parties will sign the Contract Amendment. Any changes to the contents of this Contract's commitments, if any, will be discussed and agreed upon, in the spirit of cooperation, respecting each other's interests.

- (c) Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng, buộc hai Bên thi hành, án phí do Bên thua chịu.

If there is a dispute between the Parties related to the Contract, it will be resolved through negotiation and conciliation. In case the dispute cannot be resolved within 30 days from the date of arising of the dispute, it will be brought to a competent court. The Court's decision is the final decision, forcing the two Parties to execute, the court fee is borne by the losing Party.

- (d) Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật, công nghệ sản xuất và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của cả hai Bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho Bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của hai bên. Trong trường hợp không có thoả thuận khác, Bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra. Trách nhiệm giữ bảo mật của hai Bên trong điều khoản này sẽ không được áp dụng cho việc trình, báo cáo Công ty, Tổng công ty và các Công ty thành viên, Kiểm toán của cả hai Bên hoặc khi các cơ quan đại diện pháp luật yêu cầu.

All information, technical know-how, production technology and any other confidential technical documents derived from this contract shall be the property of both Parties and under no circumstances shall be disclosed to a third party without the written consent of both parties. In the absence of any other agreement, the violating Party shall have to compensate the breached Party with direct or indirect damages caused by such violations. The responsibility of keeping confidentiality of the two Parties in this clause shall not apply to the submission and reporting of the Company, the Corporation and its member companies, the Audits of both Parties and when the legal representatives required law.

- (e) Nếu một trong hai Bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, thì phải báo trước cho Bên kia 30 (ba mươi) ngày bằng Văn bản. Sau khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nếu không còn vướng mắc, khiếu nại thì Hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực, tự động thanh lý.

If either Party wants to terminate the Contract ahead of time, it must notify the other Party 30 (thirty) days in writing in advance. After the Parties fulfill their obligations and responsibilities, if there are no more problems or complaints, the Contract will automatically expire and be automatically liquidated.

- (f) Những gì không được quy định trong hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Any conditions not specified in this Contract, the two Parties will comply with the current laws of the Socialist Republic of Vietnam.

- (g) Khi Hợp đồng này hết hạn, nếu hai Bên không tiếp tục ký gia hạn, thì Hợp đồng này xem như được thanh lý sau khi các Bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

After the Contract expires, if the two Parties do not continue to sign the extension, this Contract shall be considered as a liquidation if both Parties complete their correlative obligations herein.

- (h) Hợp đồng này có hiệu lực từ Ngày Hiệu lực và được lập thành 04 (bốn) bản gốc song ngữ Việt – Anh, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản. Trong trường hợp có bất kỳ sự không thống nhất hoặc xung đột nào phát sinh giữa hai ngôn ngữ, văn bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng./.

This contract takes effect as of the Effective Date and is made into 04 (four) bilingual originals in Vietnam - English with the same value, each party keeps 02 (two) copies. In the event of any discrepancy or conflict arising between the two languages, the Vietnamese version shall be prevailed./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENTATIVE OF PARTY A

Giám đốc
Director



SUPA WAISAYARAT

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENTATIVE OF PARTY B

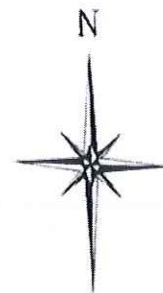
Phó Tổng Giám đốc thường trực
Permanent Deputy General Director



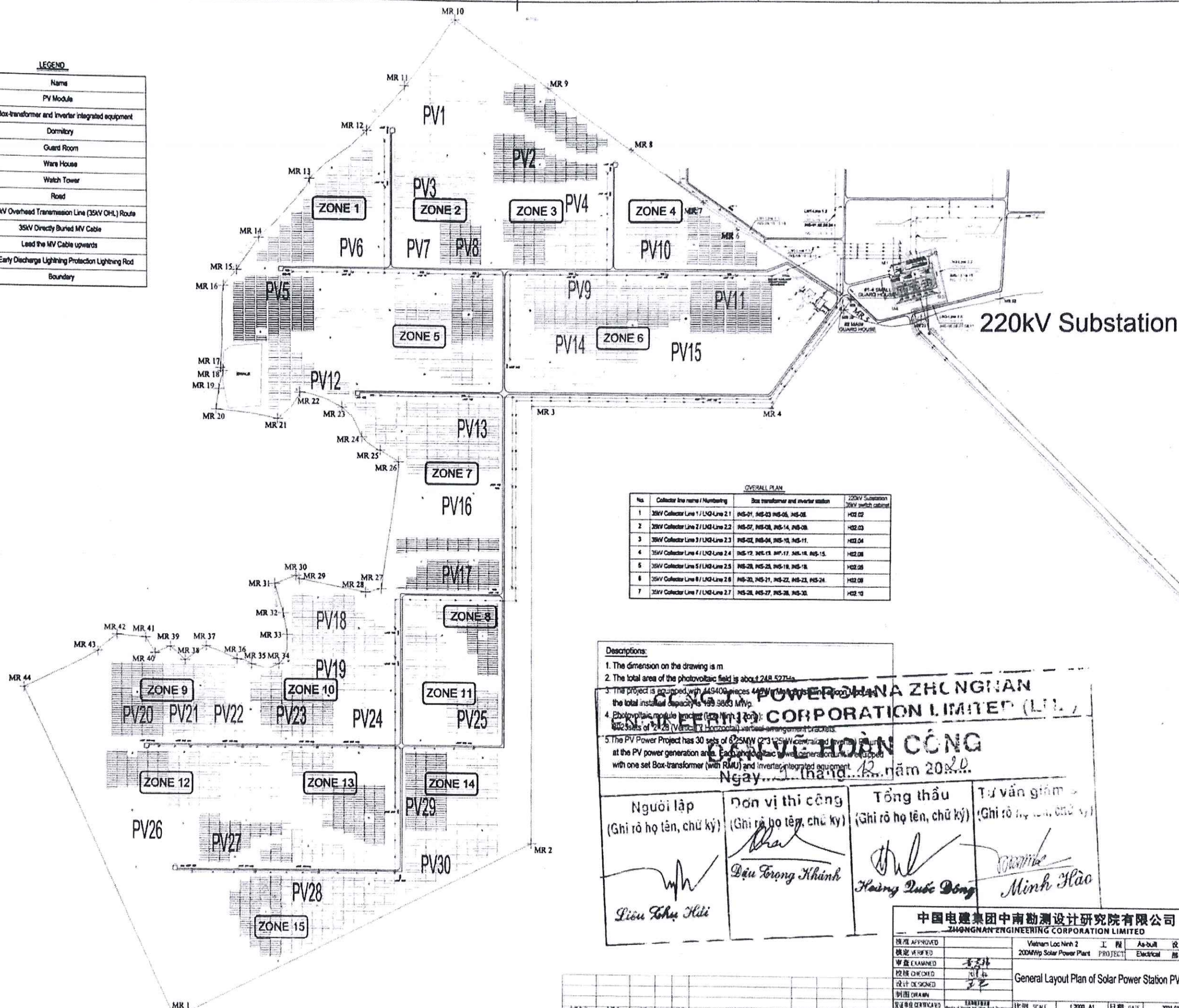
NGUYỄN DUY PHƯƠNG

BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số:/2023...../1-2-3-4-5-6.028.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX ĐT: 02743.542.906 ĐT: 02743.543.644 ĐT: 02743.542.907					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở:		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG LỘC NINH 2 Địa chỉ văn phòng: Số 48, Đường Lê Duẩn, Phường Tân Phú, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước Địa chỉ thu gom: Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 2 tại Xã Lộc Tấn, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước		Mã số QLCTNH: ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in thải	x			08 02 24	N/A	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại than hạt tính thải	x			16 01 06	N/A	
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại, bao gồm bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn (thùng chứa dầu nhớt thải).	x			18 01 02	9,8	TD
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu đầu chưa nếu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các loại thành phần nguy hại.	x			18 02 01	98,9	TD
5	Pin, Ác quy chì thải.	x			19 06 01	58,9	PV -TR
6	Dầu máy biến áp/ dầu truyền tải nhiệt cách điện.		x		17 03 03	81,1	TD
7	Dung môi pha sơn		x		17 08 03	N/A	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lợp/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu nhập: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4					Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C3275...		
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Phước Hiếu Ký: Ngày: 21/12/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) tháng 12, năm 2023  Nguyễn Dương Quốc Thái					8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 ngày 23 tháng 12 năm 2023  Nguyễn Hoàng Lan PHÓ GIÁM ĐỐC		
..... chủ nguồn thải ký tên đóng dấu.....							
@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒							
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: <u>8950</u> / 2024 / 1-2-3-4-5.6.028.V					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CP – TÔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.V ĐT: 02743.542.906 ĐT: 02743.543.864 ĐT: 02743.542.903/39/GPNT-BTN					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở:		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG LỘC NINH 2 Địa chỉ văn phòng: Số 48, Đường Lê Duẩn, Phường Tân Phú, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước Địa chỉ thu gom: Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 2 tại Xã Lộc Tấn, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước		Mã số QLCTNH: ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in thải.	x			08 02 04	N/A	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại hạt than hoạt tính thải.	x			16 01 06	N/A	
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại, bao gồm bình chứa áp suất báo dâm rỗng hoàn toàn (thùng chứa dầu nhớt thải).	x			18 01 02	N/A	
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các loại thành phần nguy hại.	x			18 02 01	N/A	
5	Pin, Ắc quy chì thải.	x			19 06 01	248,5 kg	PV -TR
6	Dầu máy biến áp/ dầu truyền tải nhiệt cách điện.		x		17 03 03	N/A	
7	Dung môi pha sơn.		x		17 08 03	N/A	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu nhập: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>64C-32-1</u>			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: <u>Nguyễn Hoàng Lan</u> Ký: <u>Nguyễn Hoàng Lan</u> Ngày: <u>21/05/2024</u>							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) ngày <u>27</u> tháng <u>05</u> năm <u>2024</u>  <u>NGUYỄN DUỆNG QUỐC THAI (MR)</u>				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 ngày <u>29</u> tháng <u>5</u> năm <u>2024</u>  <u>Nguyễn Hoàng Lan</u> PHÓ GIÁM ĐỐC			
..... chủ nguồn thải ký tên đóng dấu.....							
@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐							
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							



LEGEND	
Symbol	Name
	PV Module
	Box-transformer and inverter integrated equipment
	Dormitory
	Guard Room
	Ware House
	Watch Tower
	Road
	35kV Overhead Transmission Line (35kV OHL) Route
	35kV Directly Buried MV Cable
	Lead the MV Cable upwards
	Early Discharge Lightning Protection Lightning Rod
	Boundary



OVERALL PLAN			
No.	Collector line name / Numbering	Box transformer and inverter station	220kV Substation
1	35kV Collector Line 1 / LQ2-Line 2.1	INS-01, INS-03, INS-05, INS-06	H02-02
2	35kV Collector Line 2 / LQ2-Line 2.2	INS-02, INS-04, INS-14, INS-08	H02-03
3	35kV Collector Line 3 / LQ2-Line 2.3	INS-02, INS-04, INS-10, INS-11	H02-04
4	35kV Collector Line 4 / LQ2-Line 2.4	INS-12, INS-13, INS-17, INS-18, INS-15	H02-05
5	35kV Collector Line 5 / LQ2-Line 2.5	INS-20, INS-25, INS-18, INS-18	H02-06
6	35kV Collector Line 6 / LQ2-Line 2.6	INS-20, INS-21, INS-22, INS-23, INS-24	H02-08
7	35kV Collector Line 7 / LQ2-Line 2.7	INS-26, INS-27, INS-28, INS-30	H02-10

Descriptions:

- The dimension on the drawing is m.
- The total area of the photovoltaic field is about 248,577m².
- The project is equipped with 449400 pieces 440W Mono-crystalline silicon solar panels, the total installed capacity is 199,980 MWp.
- Photovoltaic module layout (see Figure 1.2.3): 6002 sets of 2x28 (Vertical 7 Horizontal) vertical arrangement brackets.
- The PV Power Project has 30 sets of 625MW (2x312.5MW) centralized inverters, located at the PV power generation area. Each photovoltaic power generation unit is equipped with one set Box-transformer (with RMU) and inverter integrated equipment.

Ngày... tháng... năm 2020

Người lập (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Đơn vị thi công (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tổng thầu (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chữ ký)
Lieu Thuy Hieu	Lieu Thuy Hieu	Lieu Thuy Hieu	Lieu Thuy Hieu

中国电建集团中南勘测设计研究院有限公司 ZHONGNAN ENGINEERING CORPORATION LIMITED			
核准 APPROVED	Vietnam Loc Ninh 2	工程 As-built	设计 DESIGN
核定 EXAMINED	200MWp Solar Power Plant	PROJECT	Electrical
校核 CHECKED			
设计 DESIGNED			
制图 DRAWING			
审核 REVIEWED			
设计编号 DESIGN NO.			
比例 SCALE	1:2000, A1	日期 DATE	2021.01.12
图号 DRAWING NO.			

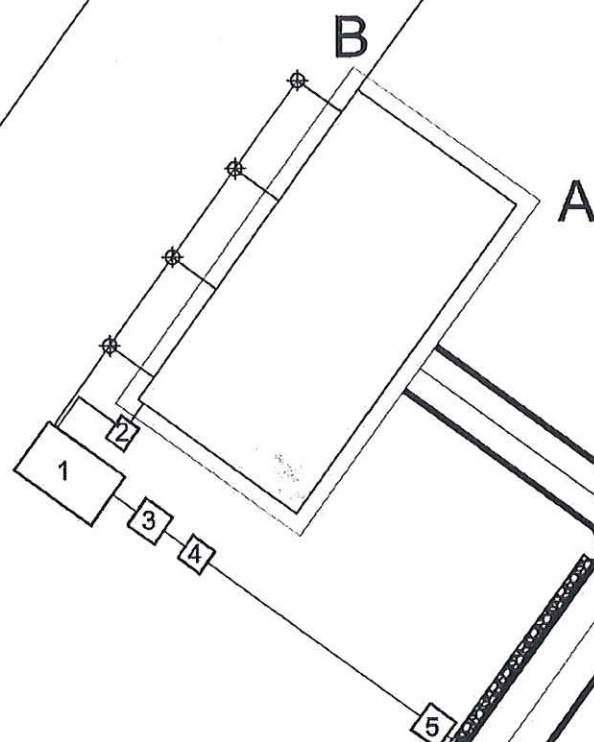
WATCH TOWER



WARE HOUSE

GUARD ROOM

MAIN
ENTRANCE



CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XÂY LẮP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP HOÀNG GIA	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày... tháng... năm 2024...	
Người lập	Giám sát A

GHI CHÚ:

- 1 - BỂ TỰ HOẠI 5 NGĂN
- 2 - BỂ TÁCH MỠ
- 3 - BỂ KHỬ TRÙNG
- 4 - BỂ CHỨA NƯỚC THẢI
- 5 - HỒ GA HIỆN HỮU

PHÁT HÀNH - PUBLISH:

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:



SUPER ENERGY
CORPORATION PUBLIC CO., LTD

LỘC NINH 2 ENERGY JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
LỘC NINH 2

Add:

Tel:

NHÀ THẦU / CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XÂY LẮP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP
HOÀNG GIA



Electricity - Mechanical - Construction

Add: 107 Bt, Bui Ta Han, An Phu ward, Thủ Đức city, HCM city
Tel: 028.2232.8822

KIỂM TRA - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

NGƯỜI VẼ - DRAWN BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

GÓI THẦU:
CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ NHÂN LỰC THI CÔNG C
TẠO MỘT SỐ HẠNG MỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA
BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ĐTM) ĐIỀU CHỈNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT
TRỜI LỘC NINH 2

HẠNG MỤC:
BỂ CHỨA NƯỚC THẢI

WORKS:
CÔNG VIỆC:

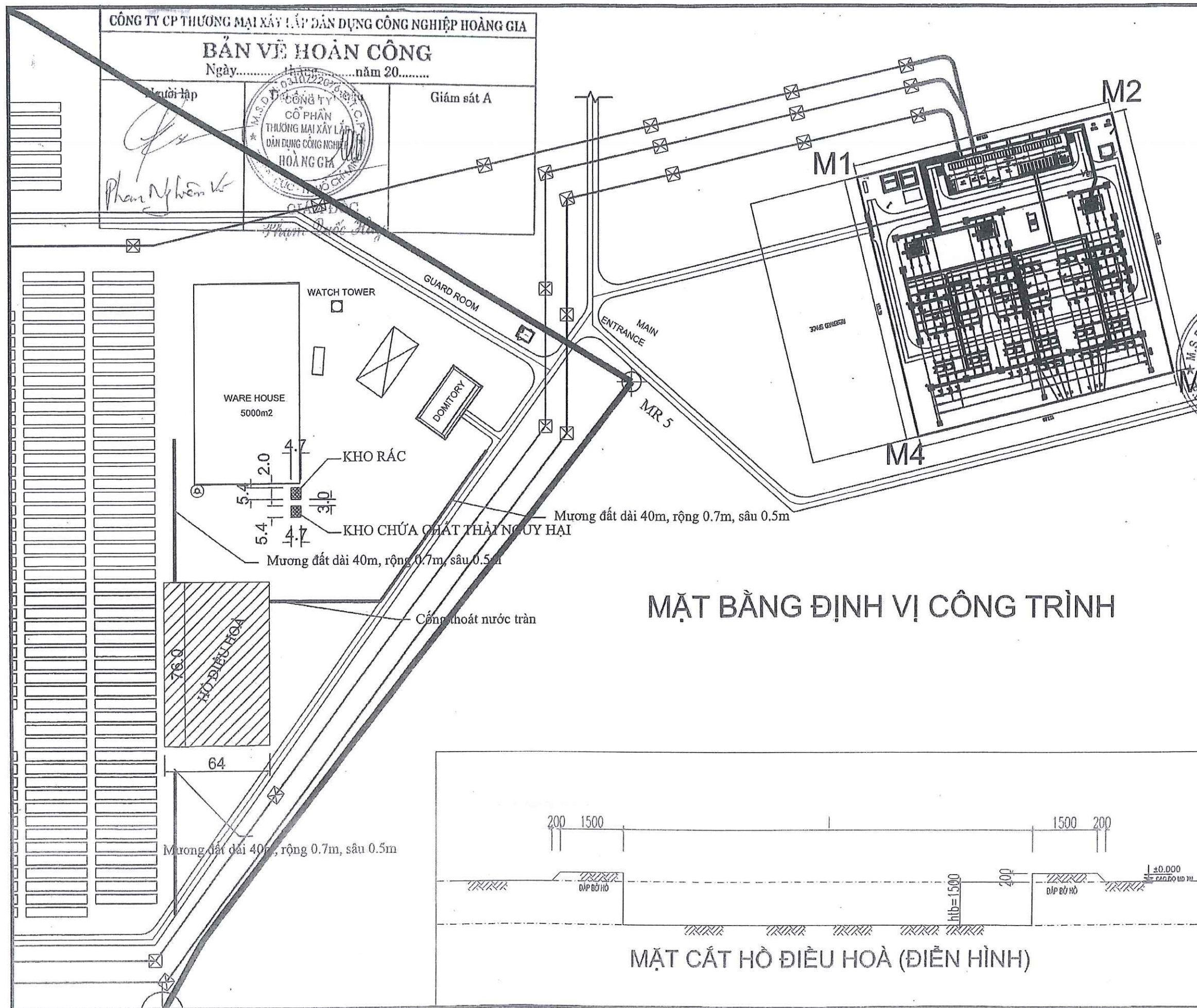
TÊN BẢN VẼ:
DRAWING: MẶT BẰNG - MẶT ĐỨNG
- MẶT CẮT CHỈNH

SỐ HIỆU BẢN VẼ:
DRAWING No: HG-LN2-01

NGÀY LẬP BẼ:
DATE: /10-2024

TITLE:
SCALE:

CHỈNH SỬA - REV:



PHÁT HÀNH - PUBLISH:

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐
TRÌNH DUYỆT ☐
THI CÔNG ☐
HIỆU CHỈNH ☐
HOÀN CÔNG ☒

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:



SUPER ENERGY
CORPORATION PUBLIC CO., LTD

LỘC NINH 1 ENERGY JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
LỘC NINH



CONTRACTOR:
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XÂY LẬP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP
HOÀNG GIA



Electricity - Mechanical - Construction

Địa: 107 Str. Bui Tai Han, An Phu ward, Thủ Đức city, HCM city
Tel: 028.2232.8522

KIỂM TRA - CHECKED BY: PHAN NGHIÊM VŨ

NGƯỜI VẼ - DRAWN BY: PHAN NGHIÊM VŨ

GHI THẤU:
XỬ LÝ TỖN TẠI VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG
NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI LỘC NINH 1,2,3

HẠNG MỤC:
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ - HỒ ĐIỀU HOÀ

WORKS:
CÔNG VIỆC:

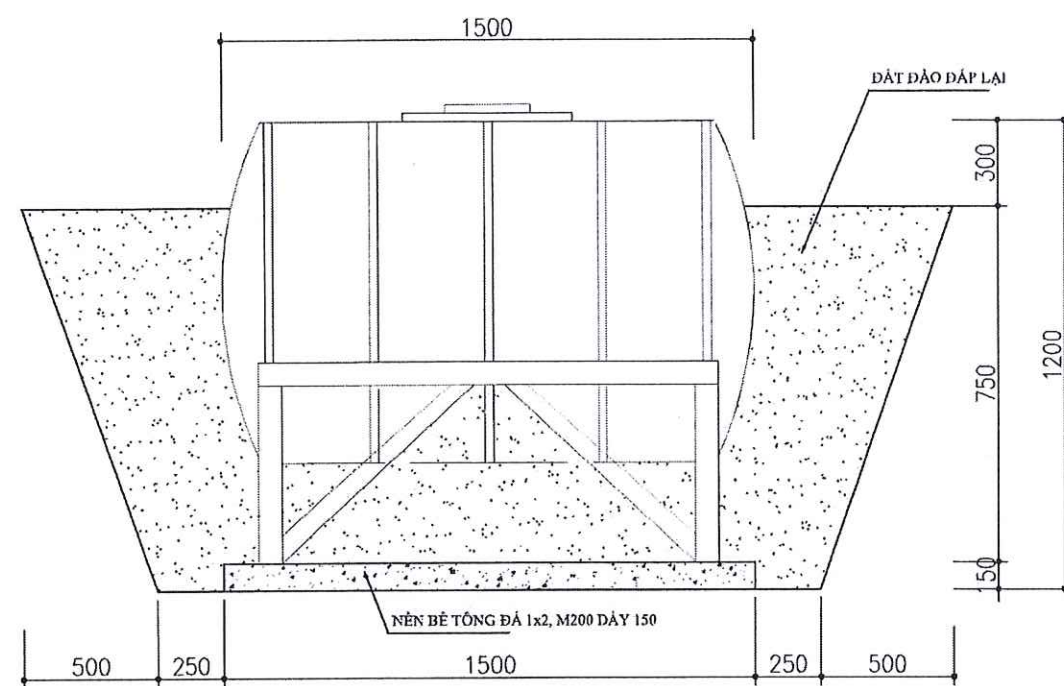
TÊN BẢN VẼ:
DRAWING: TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG
MÔ HÌNH HỒ ĐIỀU HOÀ

SỐ HIỆU BẢN VẼ:
DRAWING No: HG-LN1-01

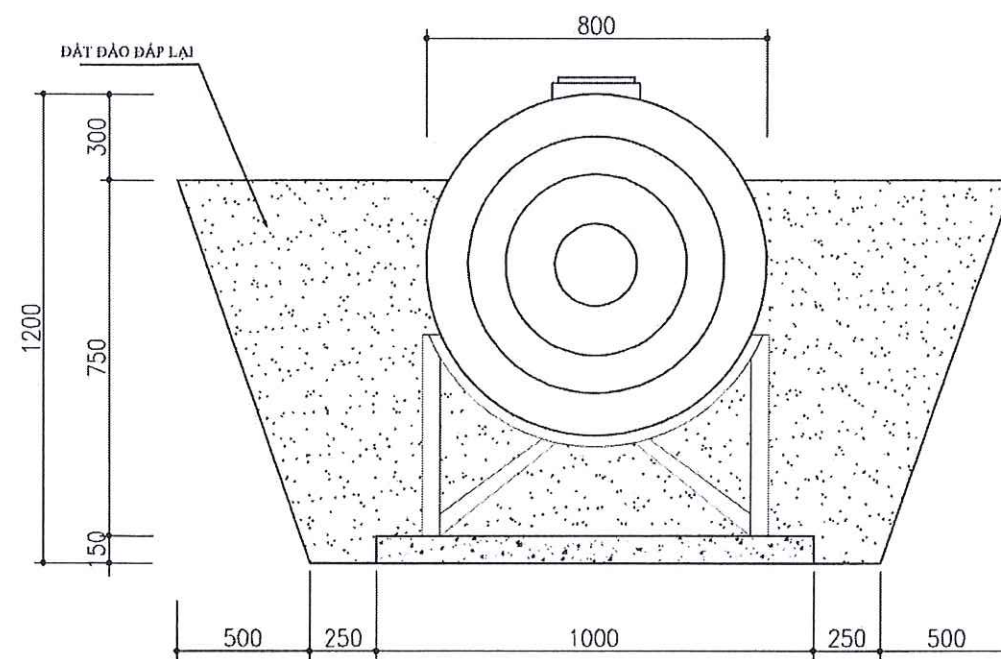
NGÀY LẬP BẼ:
DATE: /07-2023

TITLE:
SCALE:

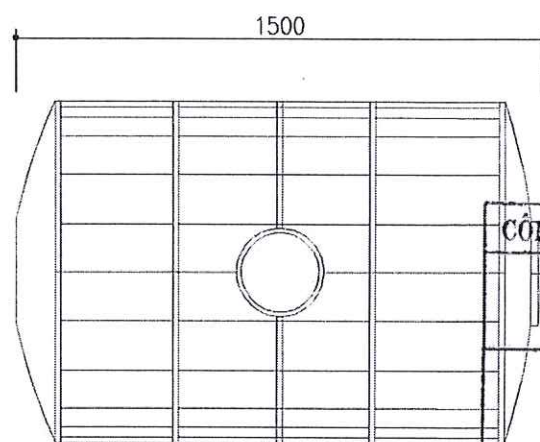
CHỈNH SỬA - REV:



MẶT ĐÚNG BỂ TÁCH MỠ



MẶT HÔNG BỂ TÁCH MỠ



MẶT BẰNG BỂ TÁCH MỠ

CHI CHÚ:

- SỬ DỤNG BÊ INOX CÓ DUNG TÍCH 700L.
- ĐỒ BÊ TÔNG NỀN BÊ DÀY 150MM, MÁC M200
- CHÂN BÊ ĐƯỢC SẢN XUẤT THEO NHÀ SẢN XUẤT BÊ
- CAO ĐỘ ĐẠT BÊ SẼ CHUẨN XÁC TẠI HIỆN TRƯỜNG

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XÂY LẮP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP HOÀNG GIA	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày: 10/10/2024	
Người lập	Giám sát A
Nguyễn Văn Dương	Phạm Quốc Huy

PHÁT HÀNH - PUBLISH:

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐
TRÌNH DUYỆT ☐
THI CÔNG ☐
HIỆU CHỈNH ☐
HOÀN CÔNG ☒

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:



SUPER ENERGY
CORPORATION PUBLIC CO. LTD

LOC NINH 2 ENERGY JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
LỘC NINH 2

Add:

Tel:

NHÀ THẦU / CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XÂY LẮP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP
HOÀNG GIA



Electricity - Mechanical - Construction

Add: 107 Str. Bui Te Han, An Phu ward, Thủ Đức city, HCM city
Tel: 028.2232.8622

KIỂM TRA - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

NGƯỜI VẼ - DRAWN BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

GÓI THẦU:
CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ NHÂN LỰC THI CÔNG C
TẠO MỘT SỐ HẠNG MỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA
BẢO CẢO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ĐTM) ĐIỀU CHỈNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT
TRỜI LỘC NINH 2

HẠNG MỤC:
BỂ TÁCH MỠ

WORKS:
CÔNG VIỆC:

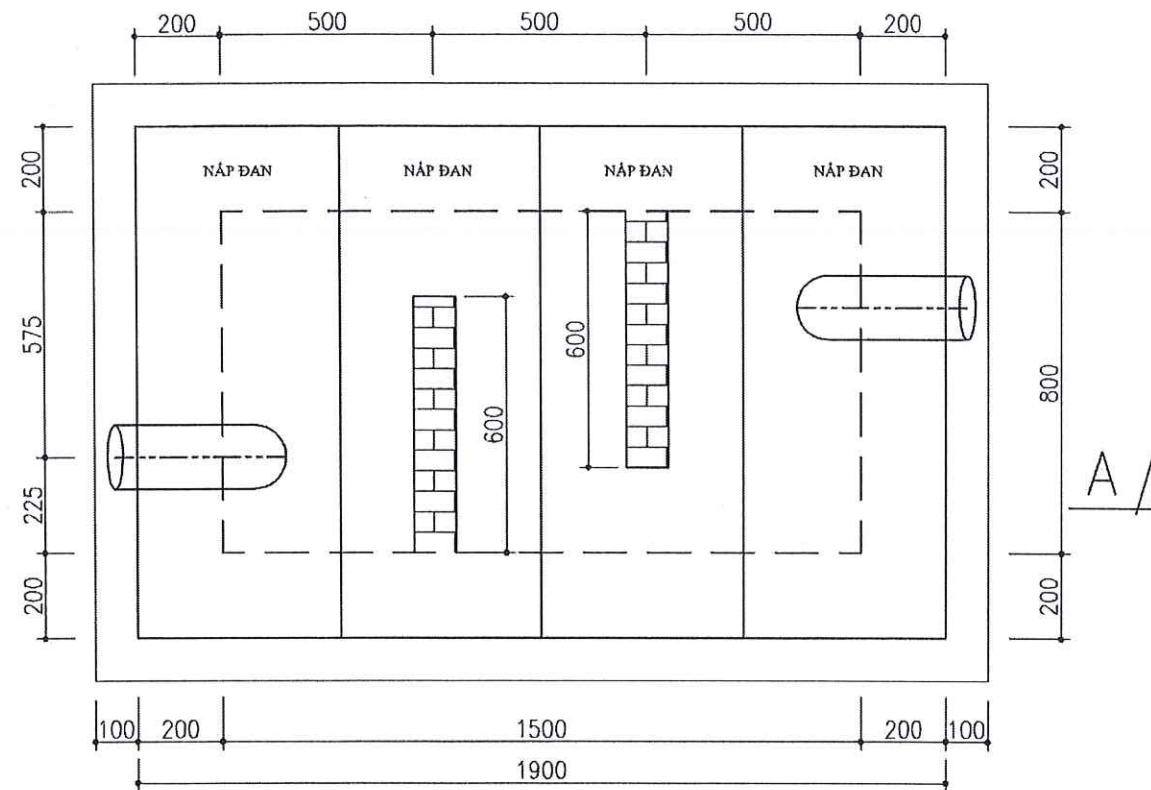
TÊN BẢN VẼ:
DRAWING: MẶT BẰNG - MẶT ĐÚNG
- MẶT CẮT CHÍNH

BỘ HIỆU BẢN VẼ:
DRAWING No: HG-LN2-02

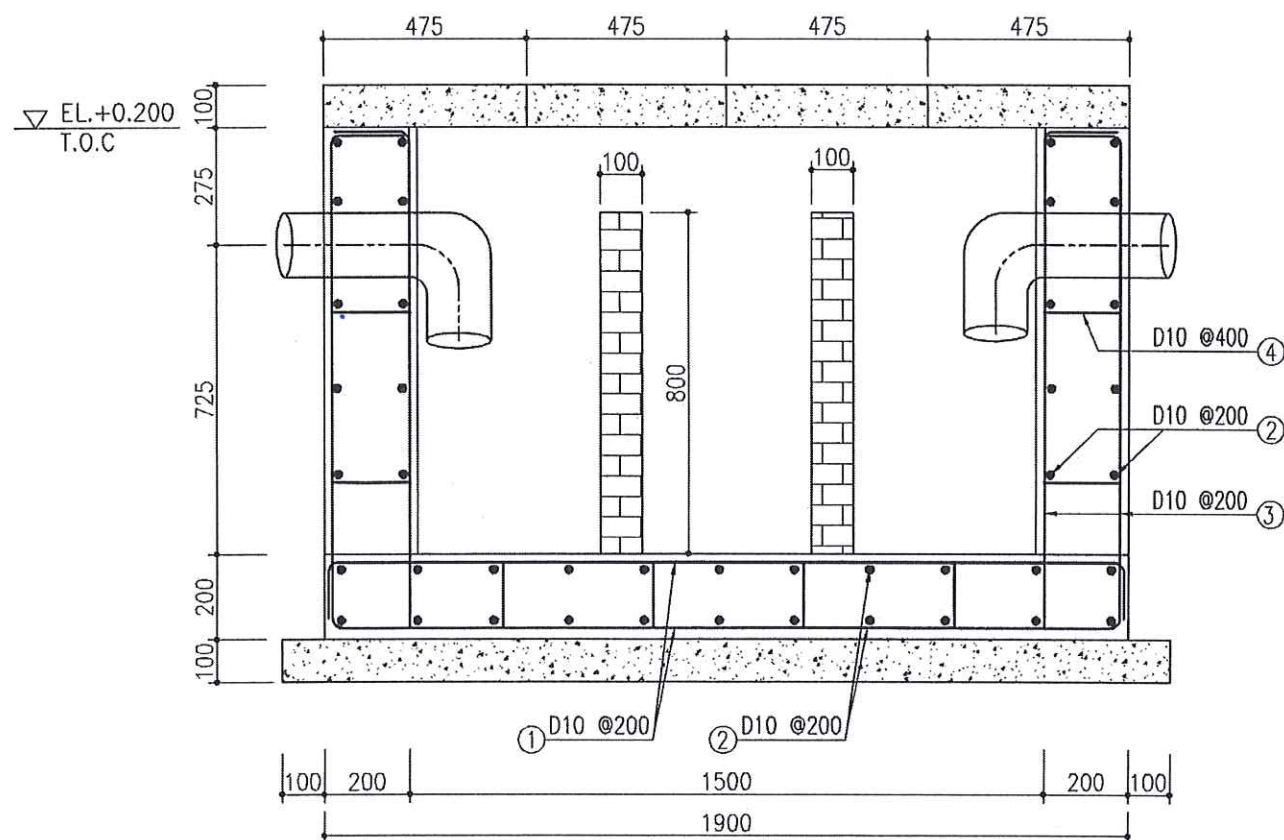
NGÀY LẬP BY:
DATE: /10-2024

TỈ LỆ:
SCALE:

CHỈNH SỬA - REV:



MẶT BẰNG BỂ KHỬ TRÙNG



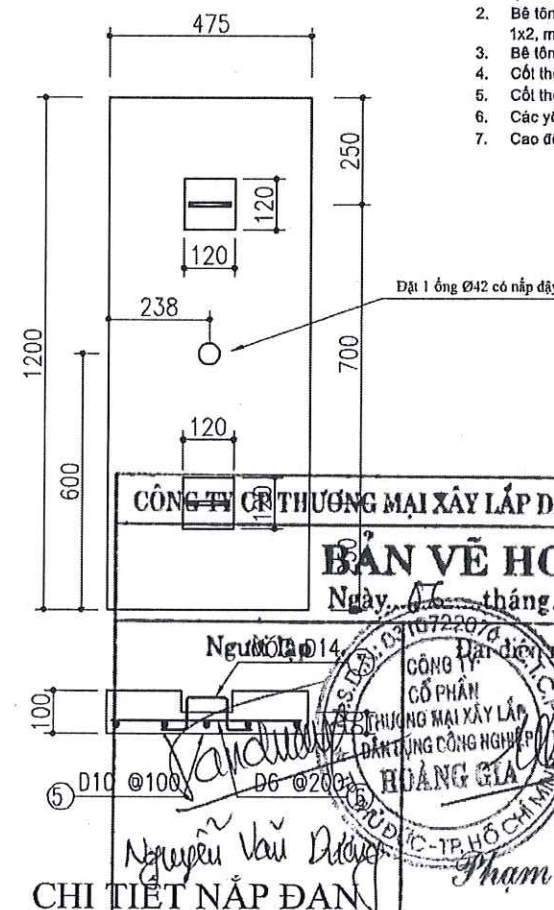
MẶT CẮT A - A

BẢNG THÔNG KÊ THÉP 1 BỂ

SỐ TT	HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC	Ø (mm)	CHIỀU DÀI THANH(mm)	SỐ LƯỢNG
1	150 1850 150	10AII	2150	36
2	150 950 150	10AII	1250	46
3	150 1150 150	10AII	1450	58
4	50 150 50	10AII	250	108
5	1150	10AII	1150	20
6	50 400 50	6AI	500	28
7	100 100 100	14AII	500	8

CHI CHÚ:

- Tường xây gạch đinh vữa M#75, trát vữa dày 15mm, quét hồ dầu.
- Bê tông kết cấu Móng, tường, dầm, nắp đan: BTCT đá 1x2, mác M250 (B20)
- Bê tông lót đá 1x2, mác M100 (B7.5)
- Cốt thép chịu lực - Thép Hoà Phát - CB300-V
- Cốt thép đai - Thép Hoà Phát - CB240-T
- Các yêu cầu khác cho kết cấu BTCT theo TCVN.
- Cao độ đặt ống sẽ chuẩn xác tại hiện trường



CHI TIẾT NẮP ĐẠN

PHÁT HÀNH - PUBLISH:

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐
TRÌNH DUYỆT ☐
THI CÔNG ☐
HIỆU CHỈNH ☐
HOÀN CÔNG ☒

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:



SUPER ENERGY
CORPORATION PUBLIC CO., LTD

LỘC NINH 2 ENERGY JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
LỘC NINH 2

Add:

Tel:

NHÀ THẦU / CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XÂY LẬP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP
HOÀNG GIA



Electricity - Mechanical - Construction

Add: 107 Sư, Bui Ta Han, An Phu ward, Thủ Đức city, HCM city
Tel: 028.2232.0022

KIỂM TRA - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

NGƯỜI VẼ - DRAWN BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

GÓI THẦU:
CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ NHÂN LỰC THI CÔNG C
TẠO MỘT SỐ HẠNG MỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA
BẢO CẤP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ĐTM) ĐIỀU CHỈNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT
TRỜI LỘC NINH 2

HẠNG MỤC:
BỂ KHỬ TRÙNG

WORKS:
CÔNG VIỆC:

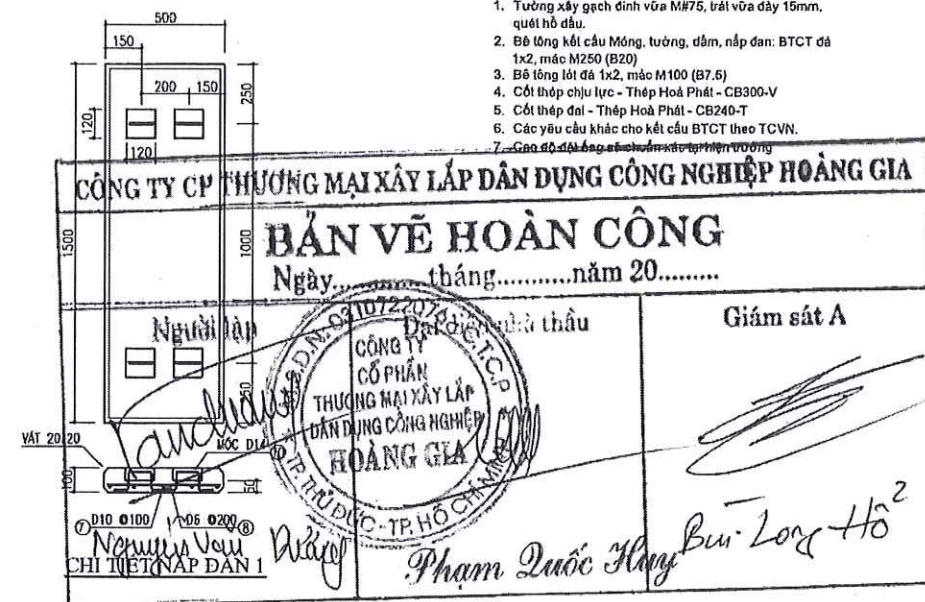
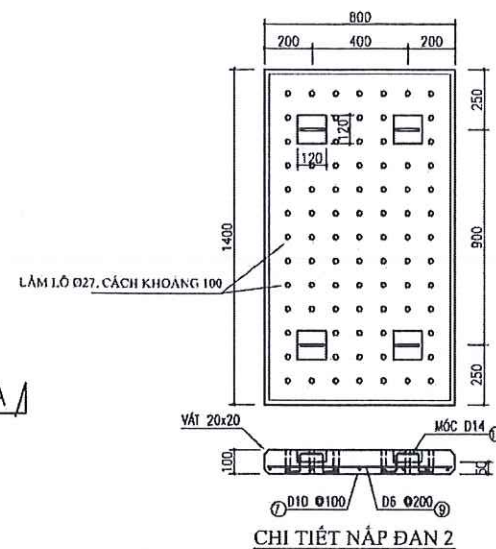
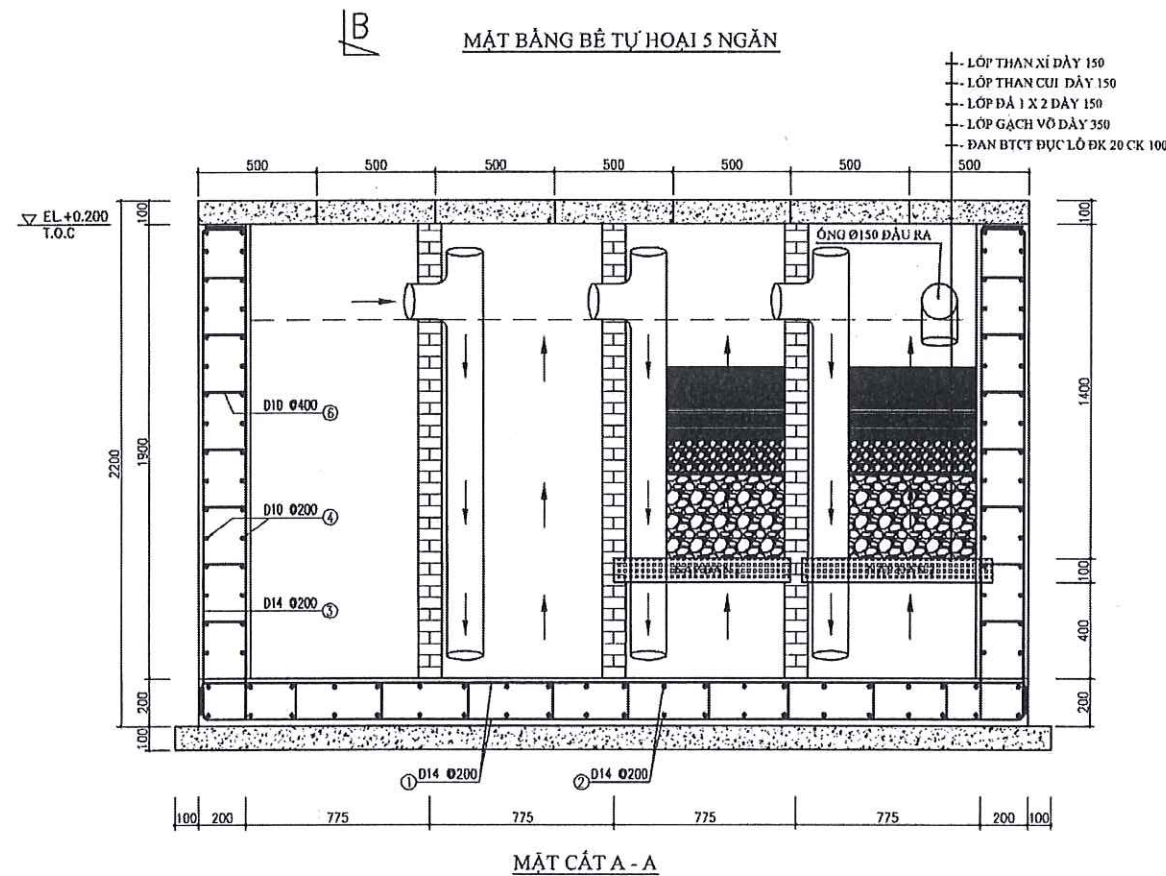
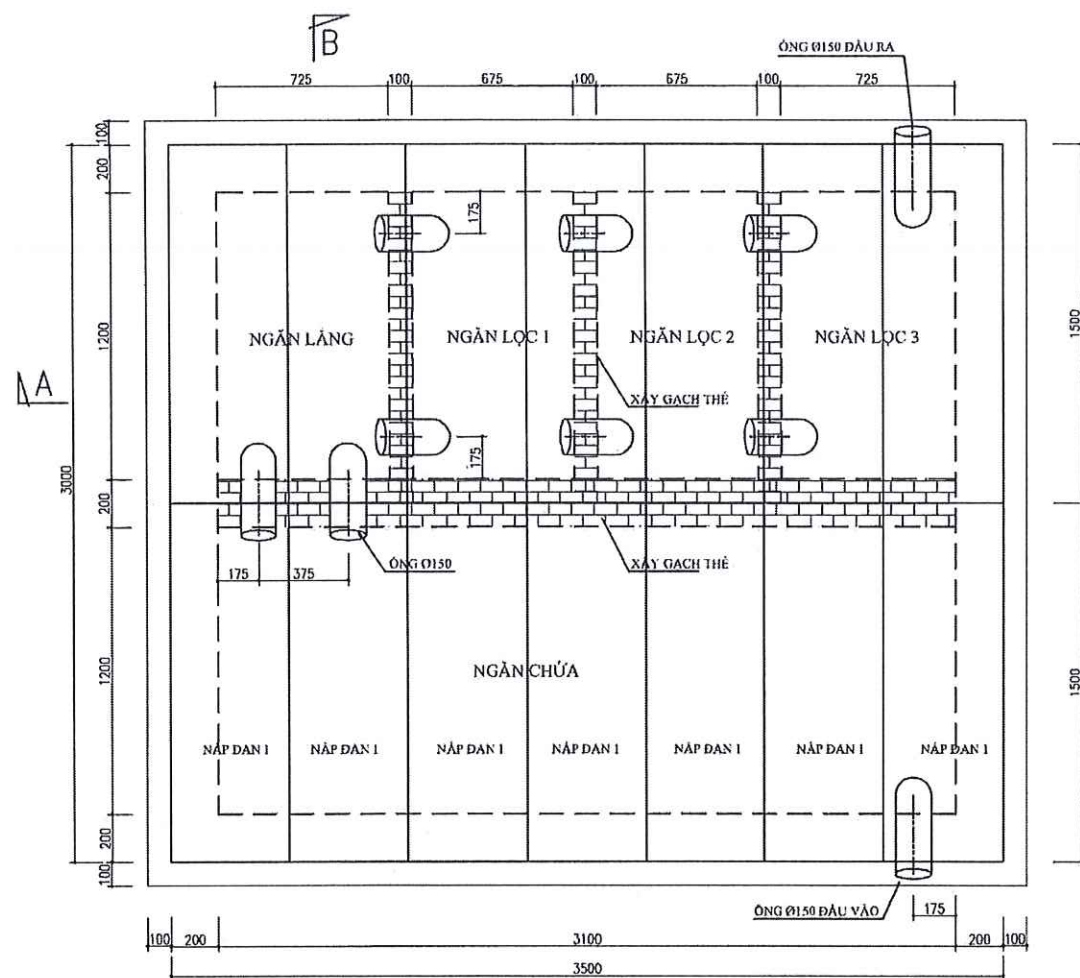
TÊN BẢN VẼ:
DRAWING: MẶT BẰNG - MẶT ĐÚNG
- MẶT CẮT CHÍNH

SỐ HIỆU BẢN VẼ:
DRAWING No: HG-LN2-03

NGÀY LẬP BẼ:
DATE: /10/2024

TỈ LỆ:
SCALE

CHỈNH SỬA - REV:

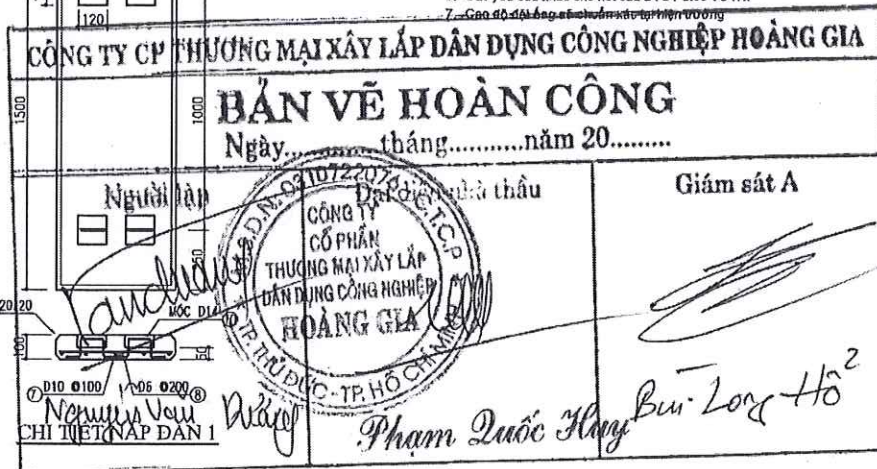


BẢNG THÔNG KÊ THÉP I BỂ

SỐ TT	HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC	Ø (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG
1	150 3450 150	14AII	3750	32
2	150 2950 150	14AII	3250	38
3	150 2050 150	14AII	2350	130
4	150 2950 150	10AII	3250	48
5	150 3450 150	10AII	3750	48
6	50 150 50	10AII	250	230
7	1450	10AII	1450	90
8	50 450 50	6AI	550	112
9	50 750 50	6AI	850	16
10	100 100 100	14AII	500	64

CHI CHÚ:

- Tường xây gạch đinh vữa M#75, trát vữa dày 15mm, quét hồ dầu.
- Bê tông kết cấu Móng, tường, dầm, nắp đan: BTCT đá 1x2, mác M250 (B20).
- Bê tông lót đá 1x2, mác M100 (B7.5).
- Cốt thép chịu lực - Thép Hoà Phát - CB300-V.
- Cốt thép đai - Thép Hoà Phát - CB240-T.
- Các yêu cầu khác cho kết cấu BTCT theo TCVN.
- Cao độ đáy bể tính từ mặt nước.



PHÁT HÀNH - PUBLISH:

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐
TRÌNH DUYỆT ☐
THI CÔNG ☐
HIỆU CHỈNH ☐
HOÀN CÔNG ☒

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:



SUPER ENERGY
CORPORATION PUBLIC CO. LTD

LOC NINH 2 ENERGY JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
LỘC NINH 2

Địa:

Tel:

NHÀ THẦU / CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XÂY LẬP DẪN DỤNG CÔNG NGHIỆP
HOÀNG GIA



Electricity - Mechanical - Construction

Địa: 107 Sr, Bui Te Han, An Phu ward, Thủ Đức city, HCM city
Tel: 028.2232.0022

KIỂM TRA - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

NGƯỜI VẼ - DRAWN BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

GÓI THẦU:
CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ NHÂN LỰC THI CÔNG C
TẠO MỘT SỐ HẠNG MỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA
BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ĐTM) ĐIỀU CHỈNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT
TRỜI LỘC NINH 2

HẠNG MỤC:
BỂ TỰ HOẠI

WORKS:
CÔNG VIỆC:

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING: MẶT BẰNG - MẶT ĐỨNG
- MẶT CẮT CHÍNH

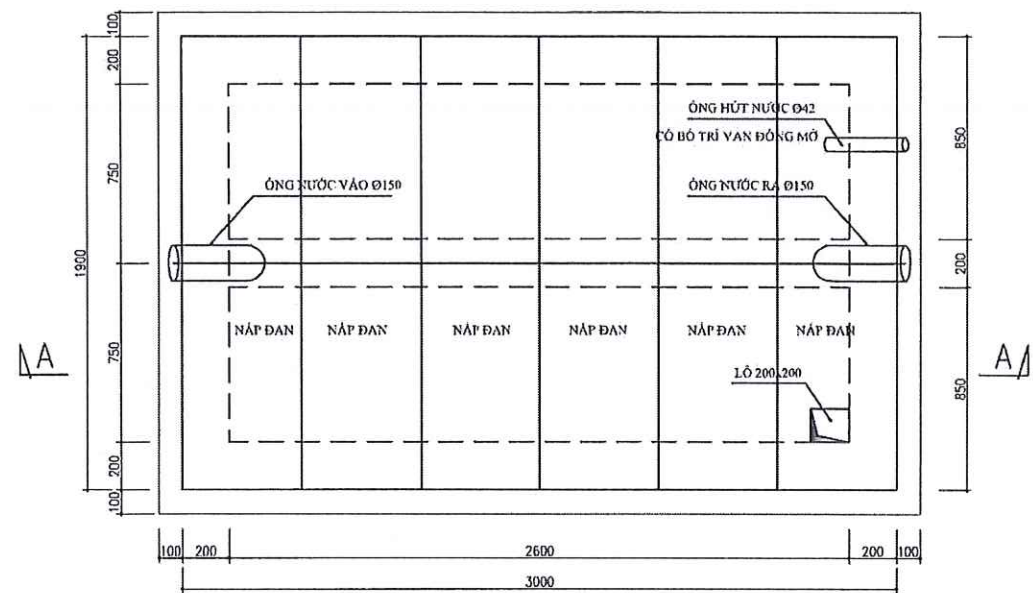
SỐ HIỆU BẢN VẼ:
DRAWING No: HG-LN2-04

NGÀY LẬP BẰ:
DATE: /10-2024

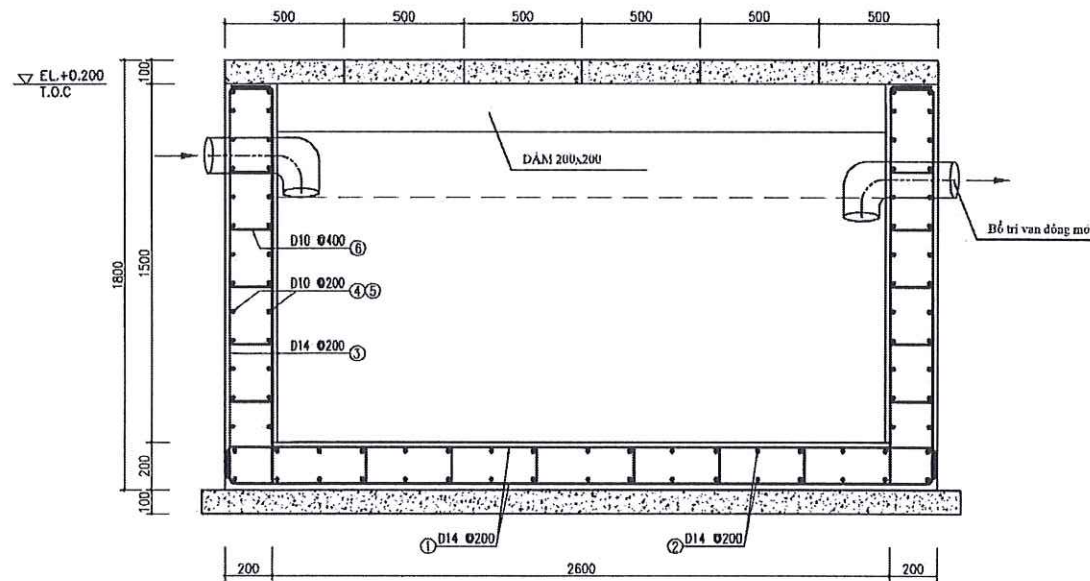
TỈ LỆ:
SCALE

CHỈNH SỬA - REV:

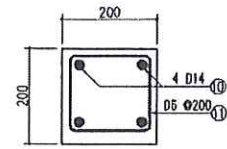
MẶT CẮT B - B



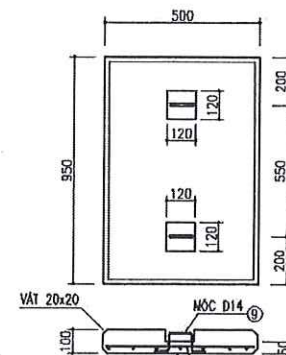
MẶT BẰNG BỂ CHỨA NƯỚC THẢI



MẶT CẮT A - A



DÀN 200x200



BẢNG THỐNG KÊ THÉP 1 BÊ

SỐ TT	HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC	Ø (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG
1	150 2950 150	14AII	3250	22
2	150 1850 150	14AII	2150	32
3	150 1650 150	14AII	1950	98
4	150 1850 150	10AII	2150	40
5	150 2950 150	10AII	3250	40
6	50 150 50	10AII	250	128
7	900	10AII	900	64
8	50 450 50	6AII	550	60
9	100 100	14AII	600	16
10	2950 140	14AII	2950	4
11	140 50	6AII	600	14

CHI CHÚ:

- Tường xây gạch đinh vữa M#75, trát vữa dày 15mm, quét hồ dầu.
- Bê tông kết cấu Móng, tường, dầm, nắp đan: BTCT đá 1x2, mác M250 (B20).
- Bê tông lót đá 1x2, mác M100 (B7.5).
- Cốt thép chịu lực - Thép Hoà Phát - CB300-V.
- Cốt thép đai - Thép Hoà Phát - CB240-T.
- Các yêu cầu khác cho kết cấu BTCT theo TCVN.
- Cao độ đặt ống sẽ chuẩn xác lại hiện trường.

PHÁT HÀNH - PUBLISH:

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:



SUPER ENERGY
CORPORATION PUBLIC CO., LTD

LỘC NINH 2 ENERGY JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
LỘC NINH 2

Add:

Tel:

NHÀ THẦU / CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XÂY LẬP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP
HOÀNG GIA



Electricity - Mechanical - Construction

Add: 107 Str. Bui Ta Han, An Phu ward, Thủ Đức city, HCM city
Tel: 028.2232.8022

KIỂM TRA - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

NGƯỜI VẼ - DRAWN BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

GÓI THẦU:

CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ NHÂN LỰC THI CÔNG C
TẠO MỘT SỐ HẠNG MỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA
BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ĐTM) ĐIỀU CHỈNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT
TRỜI LỘC NINH 2

HẠNG MỤC:

BỂ CHỨA NƯỚC THẢI

WORKS:

CÔNG VIỆC:

TÊN BẢN VẼ:

DRAWING:

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

DRAWING No:

NGÀY LẬP BẰ:

DATE:

TỈ LỆ:

SCALE:

CHỈNH SỬA - REV:

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XÂY LẬP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP HOÀNG GIA

CHI TIẾT BẢN VẼ HOÀN CÔNG

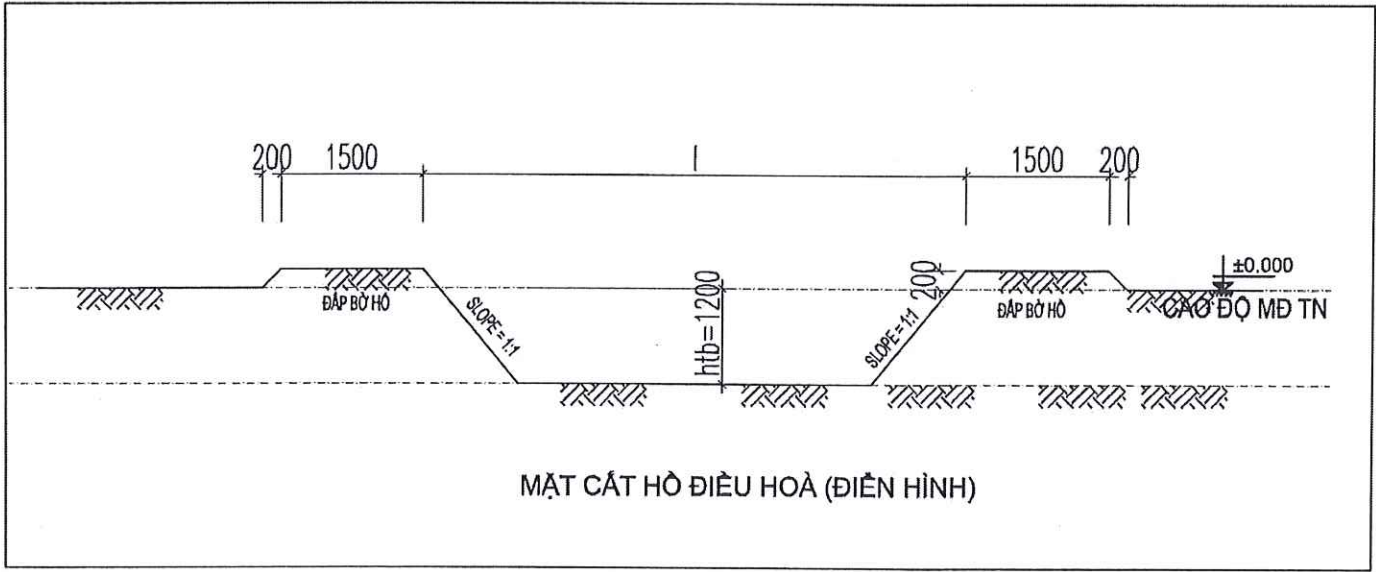
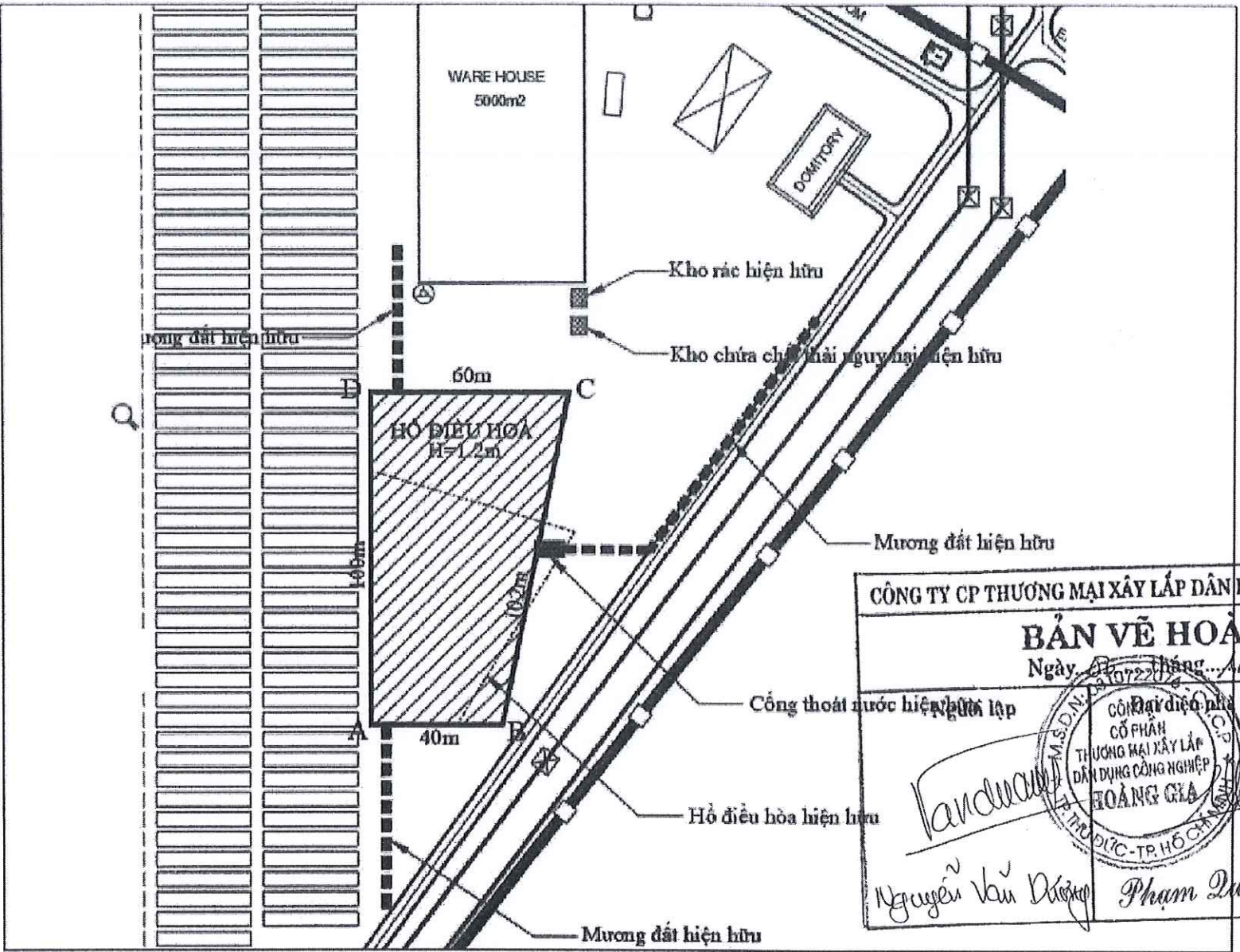
Ngày: 06 tháng 11 năm 2024

Người lập: Nguyễn Văn Dương

Giám sát A: Phạm Quốc Huy

Người kiểm tra: Bùi Long Hào

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY LẬP DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP HOÀNG GIA, M.S.D.N: 0310122076, TP. HỒ CHÍ MINH



PHÁT HÀNH - PUBLISH:

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐
TRÌNH DUYỆT ☐
THI CÔNG ☐
HIỆU CHỈNH ☐
HOÀN CÔNG ☒

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:



SUPER ENERGY
CORPORATION PUBLIC CO., LTD

LỘC NINH 2 ENERGY JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
LỘC NINH 2

Địa:

Tel:

NHÀ THẦU / CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XÂY LẬP DẪN DỤNG CÔNG NGHIỆP
HOÀNG GIA



Electricity - Mechanical - Construction

Địa: 107 Sư. Bui Te Han, An Phu ward, Thủ Đức city, HCM city
Tel: 028.2232.0022

KIỂM TRA - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

NGƯỜI VẼ - DRAWN BY: NGUYỄN VĂN DƯƠNG

GÓI THẦU:
CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ NHÂN LỰC THI CÔNG C
TẠO MỘT SỐ HẠNG MỤC THEO QUY ĐỊNH C
BẢO CẢO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ĐTM) ĐIỀU CHỈNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT
TRỜI LỘC NINH 2
HẠNG MỤC:
HỒ ĐIỀU HÒA

WORKS:
CÔNG VIỆC:

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING: MẶT BẰNG - MẶT ĐÚNG
- MẶT CẮT CHÍNH

SỐ HIỆU BẢN VẼ:
DRAWING No: HG-LN2-06

NGÀY LẬP BY:
DATE: /10-2024

TỈ LỆ:
SCALE:

CHỈNH SỬA - REV: